



Mục lục

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

3 TẠ NGỌC TẤN:

Đổi mới nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình hiện thực hóa chủ nghĩa xã hội

(Phần 2)

10 HOÀNG CHÍ BẢO:

Sự vận dụng, bổ sung, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam

22 VŨ VĂN HIỀN:

Nhận thức mới về thời đại và đặc điểm mới về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

31 BÙI TRƯỜNG GIANG:

Phát huy đội ngũ trí thức là lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược đáp ứng yêu cầu sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ mới

44 NGUYỄN TRỌNG PHÚC:

Sự phát triển nhận thức lý luận của Đảng về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và yêu cầu bổ sung, phát triển hiện nay

55 TRẦN VI DÂN:

Phát huy và tận dụng nguồn lực trí thức ở Việt Nam trong tình hình hiện nay

63 BÙI SĨ LỢI:

Nhận diện những vấn đề xã hội trọng yếu và định hướng đột phá chính sách xã hội từ nay đến năm 2030 tầm nhìn 2045



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HIỆN THỰC HÓA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (PHẦN 2)

● GS, TS TẠ NGỌC TẤN

Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương

3. Những đổi mới về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình hiện thực hóa chủ nghĩa xã hội

Những đổi mới về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình hiện thực hóa chủ nghĩa xã hội tập trung ở việc đổi mới các bình diện: Công tác hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng; công tác tư tưởng; công tác tổ chức, cán bộ; công tác kiểm tra, kiểm soát và cán bộ, đảng viên nêu gương, gắn bó mật thiết với nhân dân.

3.1. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền bằng cương lĩnh, đường lối, chủ trương

Trước hết, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xây dựng Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh 1991). Sau 20 năm, trên cơ sở các kết quả mới về nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, Đảng đã bổ sung, phát triển Cương lĩnh 1991 để xây dựng nên Cương lĩnh 2011. Trong suốt quá trình xây dựng phát triển đất nước gần 40 năm qua, Cương lĩnh thực sự trở

thành ngọn cờ định hướng, tập hợp lực lượng, đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện thành công những nhiệm vụ chính trị to lớn và quan trọng.

Phù hợp với bối cảnh, điều kiện mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đổi mới quy trình ra nghị quyết, chỉ ra nghị quyết đối với những vấn đề lớn, có tầm quan trọng với đất nước. “Nghị quyết phải thiết thực, ngắn gọn, khả thi, phải tính đến cân đối các nguồn lực và điều kiện bảo đảm triển khai thực hiện có hiệu quả; phân công trách nhiệm tổ chức, cá nhân, thời hạn hoàn thành các nhiệm vụ, giải pháp được ghi trong nghị quyết”¹. Đặc biệt, đối với Cương lĩnh, các văn kiện của các kỳ đại hội Đảng được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến thảo luận, góp ý của nhân dân. Đảng tập hợp ý kiến của nhân dân để cân nhắc trong việc hoàn thiện, nâng cao chất lượng Cương lĩnh và các văn kiện, làm cho các quyết sách của Đảng vừa đảm bảo định hướng XHCN, vừa thực sự phản ánh ý chí, nguyện vọng, lợi ích của nhân dân. Đây là yêu cầu có tính nguyên tắc, bảo đảm cho chất lượng, sự đồng thuận của nhân dân, biến các quyết tâm

chính trị của Đảng thành quyết tâm chính trị của nhân dân.

Nhìn chung, trong đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước và xã hội đã có những bước tiến quan trọng. Những biểu hiện chưa hợp lý như Đảng làm thay cơ quan nhà nước, tác động bằng các chỉ thị trực tiếp, đã dần dần được khắc phục. Phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đã chuyển hẳn sang hướng: Đảng hoạch định đường lối thông qua các nghị quyết, rồi từ nghị quyết của Đảng, Nhà nước thể chế hoá thành luật pháp, cụ thể hóa thành các chính sách và dựa vào nhân dân để tổ chức lực lượng thực hiện.

3.2. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền bằng công tác tư tưởng

Đảng Cộng sản Việt Nam xác định công tác tư tưởng, bao gồm các hoạt động nghiên cứu lý luận, tuyên truyền, thuyết phục, vận động, là “một bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng; là lĩnh vực trọng yếu để xây dựng, bồi đắp nền tảng chính trị của chế độ”. Do đó, làm tốt công tác tư tưởng chính là một yếu tố sống còn bảo đảm vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với

Nhà nước và xã hội nhằm thực hiện thành công các nhiệm vụ trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở nhận thức ấy, Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn coi trọng, đổi mới và tăng cường công tác tư tưởng.

Trước hết, Đảng Cộng sản Việt Nam coi trọng việc hoạch định chủ trương chỉ đạo đối với công tác tư tưởng. Liên tiếp hai nhiệm kỳ IX (2001-2006) và nhiệm kỳ X (2006-2011), Đảng ban hành hai nghị quyết lớn về công tác tư tưởng: Nghị quyết số 16-NQ/TW, ngày 18/3/2002, Hội nghị Trung ương 5 khoá IX về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới; Nghị quyết số 16-NQ/TW, ngày 01/8/2007, Hội nghị Trung ương 5 khoá X về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới.

Công tác nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục lý luận được Đảng quan tâm, có nhiều biện pháp để đổi mới, tăng cường hiệu quả. Hệ thống trường Đảng được xây dựng, củng cố từ trung ương đến cấp huyện, được đổi mới, cập nhật cả về nội dung và phương pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị. Năm 1997, Bộ Chính trị Trung ương

Đảng thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương, cơ quan chuyên trách nghiên cứu và tư vấn những vấn đề lý luận và tổng kết thực tiễn xây dựng CNXH của đất nước. Hệ thống báo chí, truyền thông được coi là cầu nối giữa Đảng với nhân dân, được đầu tư phát triển đa dạng, phong phú và hiện đại, đáp ứng nhu cầu tiếp nhận thông tin ngày càng đa dạng, phong phú của các tầng lớp nhân dân. Các phương tiện truyền thông mới được tạo điều kiện để phát triển nhanh với phương pháp quản lý hợp lý nhằm phát huy vai trò tích cực của chúng trong công tác tư tưởng của Đảng, Nhà nước. Bắt đầu hoạt động từ năm 1997, đến nay Internet đã trở thành một phương tiện truyền thông phổ biến ở Việt Nam với số người dùng chiếm 70,3% dân số.

Cùng với công tác tuyên truyền, giáo dục hệ tư tưởng, tuyên truyền phổ biến đường lối, chính sách, pháp luật, Đảng còn tăng cường lãnh đạo, làm tốt công tác đấu tranh tư tưởng, phê phán, lên án tiêu cực, tham nhũng, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống; đấu tranh phản bác các quan điểm chính trị sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng và đường lối của Đảng.

3.3. *Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền bằng công tác tổ chức, cán bộ*

Trong quá trình Đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương *đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền bằng công tác tổ chức* nhằm xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Theo chủ trương này, năm 1999, Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy khoá VIII: *Một số vấn đề về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và tiền lương, trợ cấp xã hội thuộc ngân sách nhà nước*. Các năm sau đó 2007 và 2017, Trung ương Đảng đều có các nghị quyết quan trọng về công tác tổ chức nhằm mục đích sắp xếp lại hệ thống tổ chức các cơ quan của Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động cho phù hợp với yêu cầu thực tế của công cuộc xây dựng phát triển đất nước.

Trên cơ sở nhận thức tầm quan trọng đặc biệt của công tác cán bộ, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định nguyên tắc: *Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ*. Đồng thời, Đảng đặc biệt quan tâm đến công tác cán bộ từ đào tạo, bồi

dưỡng, chọn lọc, rèn luyện thực tế, đến quản lý, sử dụng, đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật. Năm 1997, Đảng ban hành Chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp từ trung ương đến cơ sở, đặc biệt là cán bộ đứng đầu, có phẩm chất và năng lực, có bản lĩnh chính trị vững vàng trên cơ sở lập trường giai cấp công nhân, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo sự chuyển tiếp liên tục và vững vàng giữa các thế hệ cán bộ nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ vững độc lập tự chủ, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sau hơn 20 năm thực hiện Chiến lược cán bộ, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổng kết, đánh giá lại tình hình thực hiện Chiến lược cán bộ và ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19-5-2018 về *tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*. Nghị quyết xác định, cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; công tác cán bộ là khâu “then chốt” của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; xây

dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là công việc hệ trọng của Đảng, phải được tiến hành thường xuyên, thận trọng, khoa học, chặt chẽ và hiệu quả; đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ là đầu tư cho phát triển lâu dài, bền vững.

Kết quả của việc đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng bằng công tác tổ chức, cán bộ chính là một yếu tố then chốt đảm bảo cho Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, cầm quyền đối với Nhà nước và xã hội, thu được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc Đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước theo con đường XHCN.

3.4. *Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền bằng công tác kiểm tra, giám sát*

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được chỉ đạo tập trung, quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, có nhiều đổi mới về nội dung và phương pháp. Để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, Đại hội IX (2001) đã quyết định chuyển trọng tâm sang kiểm tra đảng viên, tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm; Đại hội X (2006) bổ sung thêm

công tác giám sát. Đảng quyết định công khai kết luận về kết quả kiểm tra và xử lý sai phạm. Trong thời gian từ nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng đạt nhiều kết quả quan trọng.

Hai nội dung giải pháp được đổi mới và tăng cường trong công tác kiểm tra, giám sát là: *giám sát quyền lực và nhân dân tham gia kiểm tra giám sát, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị*. Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ đạo công tác nghiên cứu, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của từng vị trí công việc, trên cơ sở đó để xây dựng các giải pháp quản lý cán bộ, giám sát quyền lực, hạn chế việc lợi dụng quyền lực một cách vụ lợi. Đảng cũng đã có những quy định cụ thể nhằm tạo điều kiện cho nhân dân tham gia xây dựng Đảng, các tổ chức nhà nước thông qua Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức nhân dân, và một cách trực tiếp.

Thực tế cho thấy, công tác kiểm tra được chỉ đạo đẩy mạnh, đi vào chiều sâu, tạo bước đột phá mới trong công tác phát hiện, xử lý tham nhũng. Trong giai đoạn 2012-2022, Đảng đã thi hành kỷ luật hơn 170 cán bộ cấp cao, trong

đó có 33 Ủy viên, nguyên Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, hơn 50 sĩ quan cấp tướng. Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng đến 6-2022, Đảng đã kỷ luật 50 cán bộ diện Trung ương quản lý, trong đó có 8 Ủy viên, nguyên Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, 20 sĩ quan cấp tướng. Kết quả của công tác đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đã được nhân dân ủng hộ tích cực, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, nâng cao uy tín và hiệu lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

3.5. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền bằng vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, sự gắn bó mật thiết cán bộ, đảng viên với nhân dân

Trong quá trình đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước, hiện thực hóa CNXH, Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng nhận thức sâu sắc hơn về vị trí, tầm quan trọng và ý nghĩa của vai trò gương mẫu và sự gắn bó mật thiết của cán bộ, đảng viên với nhân dân.

Người Việt Nam có câu thành ngữ “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau” để nói về vai trò gương mẫu, tiên phong của người đảng viên cộng sản. Muốn gương mẫu, cán bộ đảng viên

phải có cả tài và đức. Trên cơ sở ấy, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII xác định 3 tiêu chí đánh giá cán bộ là phẩm chất chính trị, năng lực công tác và phẩm chất đạo đức, lối sống. Hằng năm, mỗi cán bộ, đảng viên có trách nhiệm tự kiểm điểm, giải trình trước tổ chức đảng về 3 tiêu chí đó. Đồng thời, Đảng chủ trương tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức, đặt yêu cầu cụ thể với mỗi cán bộ, đảng viên về tự rèn luyện, hoàn thiện về phẩm chất đạo đức, xứng đáng là người lãnh đạo, cầm quyền của nhân dân.

Một trong những giải pháp nhằm tăng cường mối quan hệ với nhân dân, Đảng quy định rõ trách nhiệm cán bộ, đảng viên hằng năm phải đăng ký sinh hoạt hai chiều với tổ chức đảng nơi cư trú. Nhận xét hằng năm của tổ chức đảng nơi cư trú là một căn cứ để đánh giá đối với đảng viên. Sinh hoạt hai chiều không chỉ để cán bộ, đảng viên gần gũi hơn với người dân, mà còn thông qua đó giáo dục cán bộ, đảng viên ý thức trách nhiệm với nhân dân.

Đặc biệt, ý kiến của nhân dân là một điều kiện bắt buộc trong quy trình nhận xét, đánh giá hay bổ nhiệm cán bộ, nhất là đối với cán bộ cấp chiến

lược. Đồng thời Đảng yêu cầu những đảng viên giữ chức vụ trong tổ chức Đảng, Chính phủ hay các tổ chức nhân dân phải có các cuộc tiếp xúc định kì để lắng nghe ý kiến nhân dân.

Vai trò gương mẫu, sự gắn bó mật thiết với nhân dân là một điều kiện quan trọng, một trong số ít yếu tố quyết định niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Đến lượt mình, niềm tin của nhân dân trở thành quyền lực chính trị của Đảng, điều kiện để Đảng nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của mình. Như Hồ Chí Minh đã chỉ ra, “Giữ chặt mối liên hệ với dân chúng và luôn luôn lắng tai nghe ý kiến của dân chúng, đó là nền tảng lực lượng của Đảng và nhờ đó mà Đảng thắng lợi”².

*

Tóm lại, đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong quá

trình hiện thực hóa CNXH là một vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, với chế độ và đất nước Việt Nam. Song đây cũng là vấn đề rất phức tạp, nhạy cảm, vì thế phải được đặt trong tổng thể công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, gắn với mục đích thực hiện thành công các nhiệm vụ xây dựng CNXH, không để các thế lực thù địch, các phần tử xấu lợi dụng xuyên tạc, chống phá. Do tính chất đặc biệt quan trọng của việc đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng nên các giải pháp phải phù hợp, lộ trình, bước đi thận trọng, vững chắc, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài. Đồng thời cũng đòi hỏi quyết tâm chính trị cao, tính kỷ luật nghiêm minh của toàn Đảng, cũng như sự đồng thuận, ủng hộ rộng rãi của nhân dân ■

¹ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, sđd, tr.216.

² Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.325-326.

SỰ VẬN DỤNG, BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

● GS, TS HOÀNG CHÍ BẢO

*Chuyên gia cao cấp, nguyên Ủy viên
Hội đồng Lý luận Trung ương*

1. Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

Hồ Chí Minh trong 6 thập kỷ hoạt động cách mạng đã có những cống hiến lịch sử vô giá vào kho tàng lý luận cách mạng thế giới trong thế kỷ XX, đặc biệt là phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Người truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong nước và sáng lập ra chính đảng cách mạng theo học thuyết Đảng kiểu mới của Lênin ở Việt Nam. Là nhà tư tưởng, nhà tổ chức thiên tài của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí

Minh đã làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin từ tổng kết thực tiễn cách mạng, đã phát hiện ra quy luật đặc thù sự ra đời chính Đảng Cộng sản ở Việt Nam - ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, xã hội nông nghiệp cổ truyền còn nhiều tàn tích lạc hậu của chế độ phong kiến gia trưởng. Đảng là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và *phong trào yêu nước của nhân dân ta*. Người cũng tìm ra quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng của cách mạng Tháng Mười và thời đại mới: *Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH* theo phương thức “*Phát triển rút ngắn*” và

“*quá độ gián tiếp*” lên CNXH, coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, đặt cách mạng Việt Nam vào quỹ đạo của cách mạng vô sản thế giới. Những tư tưởng lớn đó được Người đề xướng, trực tiếp lãnh đạo và tổ chức thực hiện trong suốt tiến trình cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng XHCN ở Việt Nam trong hoàn cảnh *đặc biệt* và *đặc thù*, với bản lĩnh sáng tạo, ý chí, nghị lực phi thường. Người không chỉ xác định đúng *lý luận* và *phương pháp* cách mạng, chiến lược và sách lược cách mạng mà còn đặc biệt chú trọng xây dựng lực lượng cách mạng, liên kết phong trào cách mạng trong nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động do Đảng lãnh đạo với phong trào cách mạng quốc tế, nhất là phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Hồ Chí Minh đặc biệt nhạy cảm với tư tưởng đoàn kết, từ rất sớm đã nhận ra tầm quan trọng chiến lược của đoàn kết - đoàn kết giai cấp, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, với hạt nhân là đoàn kết trong Đảng. Người là biểu tượng và hiện thân của Đoàn kết trên lập trường giai cấp công nhân và lý tưởng mục tiêu độc lập dân tộc và

CNXH, chủ nghĩa yêu nước của dân tộc với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, tạo nên sức mạng tổng hợp của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới.

Người ý thức sâu sắc về cách mạng triệt để (cách mạng *đến nơi*) theo tấm gương tiêu biểu của Cách mạng Tháng Mười Nga, 1917, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Lênin (Mác - Lênin) mà Người đánh giá rằng, đó là chủ nghĩa chân chính nhất, cách mạng nhất. Đảng Cách mạng, người cách mạng phải *tin*, phải *theo* chủ nghĩa đó, trung thành một cách sáng tạo chủ nghĩa đó. Cho nên, suốt cuộc đời và sự nghiệp của mình, Hồ Chí Minh nhất quán trên lập trường, quan điểm Mác xít, là *nhà tư tưởng Mác xít kiên định và sáng tạo* của Đảng và của dân tộc ta trong thế kỷ XX.

Người còn là bậc thầy về *sáng tạo phương pháp*, tận dụng triệt để tinh thể và thời cơ cách mạng, cách mạng vừa là khoa học vừa là nghệ thuật, hành động cách mạng mau lẹ, kiên quyết nhưng phải sáng suốt, mưu lược, thận trọng, theo đúng quy luật, nắm bắt xu thế của lịch sử, thấu hiểu tâm trạng, nguyện vọng của toàn dân, dựa vào

sức mạnh của toàn dân mà hành động, đem lại lợi quyền cho dân, trung thành với lợi ích tối cao của Tổ quốc và dân tộc để dân ủng hộ và noi theo. Đó là đặc sắc của Tư tưởng - Đạo đức và Phong cách Hồ Chí Minh, trong đó *phương pháp Hồ Chí Minh* là một điểm nhấn nổi bật, có những sáng tạo lớn, cống hiến lớn.

Trong những hoàn cảnh lịch sử đặc biệt và đặc thù của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã lãnh đạo toàn đảng, toàn dân vừa tiến hành đến cùng cách mạng giải phóng dân tộc, thực hiện lý tưởng, mục tiêu Độc lập - Tự do - Hạnh phúc, Độc lập - Hòa bình - Thống nhất, giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, thực hiện quyền làm chủ thực chất, dân chủ thực chất cho toàn dân. Người cũng dành nhiều nỗ lực và tinh lực của đời mình để tìm tòi lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH của Việt Nam,

nhất là xử lý thành công các quan hệ giữa độc lập dân tộc và CNXH, giữa dân tộc và giai cấp, giữa giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, giữa dân tộc với quốc tế và thời đại, giữa Đảng với dân, giữa Đảng với Nhà nước và nhân dân khi Đảng lãnh đạo và cầm quyền.

Hồ Chí Minh quan tâm đặc biệt tới đặc điểm to nhất của nước ta khi tiến hành cách mạng XHCN và xây dựng CNXH, đó là quá độ bỏ qua chế độ TBCN. Do đó, lý luận Hồ Chí Minh về CNXH không chỉ làm rõ bản chất, mục tiêu, động lực của CNXH mà còn quan tâm giải quyết các nhiệm vụ, nội dung xây dựng CNXH trên 4 lĩnh vực chủ yếu: Chính trị - Kinh tế - Văn hóa - Xã hội.

Hồ Chí Minh quan tâm đặc biệt tới đặc điểm *to nhất* của nước ta khi tiến hành cách mạng XHCN và xây dựng CNXH, đó là *quá độ bỏ qua chế độ TBCN*. Do đó, lý luận Hồ Chí Minh về CNXH không chỉ làm rõ bản chất, mục tiêu, động lực của CNXH mà còn quan tâm giải quyết các nhiệm vụ, nội dung xây dựng CNXH trên 4 lĩnh vực chủ yếu: Chính trị -

Kinh tế - Văn hóa - Xã hội, tìm tòi *con đường*, xác định *mô hình*, *bước đi* phù hợp, nhất là trong thời kỳ quá độ. Quan trọng là “cách làm” như Người thường gọi, *đó chính là phương pháp*.

Người công phu giáo dục, đào tạo, huấn luyện cán bộ, khéo lãnh đạo, khéo dùng cán bộ, lại khéo kiểm tra, kiểm soát cán bộ để cán bộ không bị hư hỏng và luôn phát huy được khả năng sáng tạo của họ.

Người coi trọng công tác giáo dục, tuyên truyền, vận động cách mạng. Công tác *Dân vận* được Người chỉ dẫn gắn liền với *Dân chủ*, *Đoàn kết*, *Đồng thuận* và *nêu gương*. Trong hàng ngũ các nhà tư tưởng, các lãnh tụ cách mạng, Hồ Chí Minh là người quan tâm *sớm nhất, nhiều nhất, nhất quán và sáng tạo nhất*, lại tự mình *nêu gương thực hành bên bỉ nhất về đạo đức cách mạng*. Người có cả chủ kiến đạo đức Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nhưng không xem nhẹ, phủ nhận cá nhân, trái lại hết sức tôn trọng, nâng niu giá trị con người. Đó là Văn hóa Hồ Chí Minh - làm người và ở đời. Luận đề tư tưởng nổi bật của Người là “muốn xây dựng CNXH trước hết phải có con người XHCN”. Tầm nhìn chiến lược của Người là “Vì lợi ích 10 năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người”. Do đó, phải quan tâm tới quốc sách hàng

đầu là *giáo dục*, đồng thời là *khoa học, công nghệ*. Phải tôn trọng, trọng đãi, phát huy trí thức nhân tài, nhất là nhân tài ngoài Đảng. Không chỉ quan tâm giải quyết *các công việc nội trị*, Người còn rất mực xem trọng *các kế sách ngoại giao*, trong lãnh đạo, kết hợp đối nội với đối ngoại, trong quản lý kết hợp Đức trị với Pháp trị. Nếu Dân chủ pháp quyền là một thì Nhà nước là nhà nước pháp quyền nhân nghĩa vì dân. *Nhân dân là của quý báu nhất trên đời. Dân chủ lại là thứ tài sản quý nhất của Dân. Và thực hành dân chủ rộng rãi là chiếc chìa khóa vạn năng để giải quyết mọi công việc, để vượt qua mọi khó khăn.* Người gắn liền lý luận *Dân chủ* với triết lý nhân sinh và chữ *DÂN* trong bảng từ vựng Hồ Chí Minh vì vậy mà có tầm số lớn nhất. Cho nên, CNXH Việt Nam và xây dựng CNXH ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh phải là CNXH khoa học, thấm nhuần sâu sắc đặc tính dân tộc và nhân dân, nổi bật giá trị đạo đức và nhân văn, đạt tới văn hóa, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực, mọi mối quan hệ, thành sức mạnh nội sinh của phát triển, có vai trò soi đường cho quốc dân đi, làm cho Đảng thực sự là đạo đức và văn minh, đưa dân tộc ta

thành một *dân tộc thông thái*, xã hội XHCN Việt Nam là *một xã hội văn hóa cao*. Cán bộ đảng viên là tấm gương tiên phong gương mẫu, đi trước cho dân noi theo. Đó là nơi gặp gỡ giữa vai trò lãnh đạo của Đảng và bốn phận, nghĩa vụ cao quý là *đầy tớ của dân của cán bộ, đảng viên*.

Với sức mạnh đó như một *nguồn trữ năng tinh thần vô tận* luôn được nuôi dưỡng, khai thác và phát huy thì “non sông Việt Nam mới trở nên tươi đẹp và dân tộc Việt Nam sẽ bước lên đài vinh quang, sánh vai được với các cường quốc năm châu”. Đó là khát vọng phát triển, là hoài bão, ham muốn, ham muốn tột bậc của Người. Để thực hiện khát vọng đó phải chú trọng các điều kiện, ra sức thực hành các phương châm, chú trọng giải quyết *hài hòa các quan hệ*.

+ Có lý luận tiên phong dẫn đường. Có Đảng chân chính cách mạng lãnh đạo và Đảng phải có chủ nghĩa làm cốt.

+ Cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Giáo dục, đào tạo, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng. Phải coi trọng cả Đức lẫn Tài mà Đức là gốc.

+ Phải nêu cao *quyết tâm*, thực hành

tín tâm, thực hiện *đồng tâm* trong quan hệ với nhân dân.

+ Nói ít làm nhiều. Lời nói đi đôi với việc làm. Chú trọng nêu gương và lãnh đạo bằng gương mẫu.

+ Có bản lĩnh đứng ngoài vòng danh lợi, không màng danh lợi, toàn tâm toàn ý, tận tâm, tận lực phục vụ nhân dân. *Chỉ có trí tuệ khoa học, đạo đức cách mạng trong sáng và bản lĩnh chính trị vững vàng mới đưa sự nghiệp tới thành công* và không rơi vào quan liêu, tham nhũng khi cầm quyền. Phải thường xuyên đổi mới, phải ra sức phát huy sáng kiến, nêu cao lòng hăng hái, tinh thần trách nhiệm trước dân. Đảng phải ra sức “Sửa đổi lối làm việc”, để cách mạng thực sự là “phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt”.

Trên đây là một *tóm tắt lý luận* về sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Bản Di chúc 1000 từ của Người là tiêu biểu nhất. Di chúc của Người kết tinh cả tư tưởng, đạo đức, phong cách và phương pháp của Người, ở đó, Người nêu rõ *quan niệm khoa học về CNXH, về đổi mới*, đặc biệt về *xây dựng, chỉnh đốn Đảng, về quan*

tâm tới con người bằng chính sách, có cơ chế tạo động lực, bằng phát huy cao độ lòng yêu nước và tinh thần dân tộc, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

Di chúc thực sự là “Quốc bảo” và “Pháp bảo” của Đảng và của dân ta, của mọi thế hệ người Việt Nam từ nay về sau để xây dựng thành công CNXH và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Di chúc là một đại tổng kết lý luận - thực tiễn của Hồ Chí Minh về cách mạng, về đổi mới sáng tạo, về hội nhập quốc tế để phát triển. Đó là sự kết tinh tài sản vô giá mà Người để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta để tiếp tục đổi mới sáng tạo, thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Di chúc là một mẫu mực về văn hóa Hồ Chí Minh, trong đó Người thể hiện tinh tế và sâu sắc văn hóa trên quan điểm giá trị, gợi mở cho chúng ta bao

điều bổ ích về xây dựng *hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và hệ chuẩn mực con người Việt Nam* trong tiến trình đổi mới, hội nhập để phát triển.

Gần 40 năm đổi mới vừa qua, Đảng ta đã kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Đó là một thành tựu lý luận nổi bật, có ý nghĩa to lớn thúc đẩy đổi mới, nhất là vào lúc này khi chúng ta tiếp tục đổi mới sáng tạo để thực hiện khát vọng phát triển vào giữa thế kỷ XXI, làm cho đất nước phồn vinh, hạnh phúc, dân tộc cường thịnh, trường tồn.

2. Sự kế thừa, vận dụng, phát triển sáng tạo của Đảng ta về tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

Đảng ta do Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện là một Đảng Cách mạng chân chính. Đảng ta luôn trung thành một cách sáng tạo với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, coi đó là nền tảng tư tưởng của Đảng, kim chỉ nam hành động của Cách mạng Việt Nam.

Bài học vận dụng và phát triển sáng tạo chủ

nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh luôn được Đảng ta thấm nhuần trong mọi thời kỳ cách mạng, đặc biệt trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay.

Gần 40 năm đổi mới vừa qua, Đảng ta đã kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Đó là một thành tựu lý luận nổi bật, có ý nghĩa to lớn thúc đẩy đổi mới, nhất là vào lúc này khi chúng ta tiếp tục *đổi mới sáng tạo* để thực hiện khát vọng phát triển vào giữa thế kỷ XXI, làm cho đất nước phồn vinh, hạnh phúc, dân tộc cường thịnh, trường tồn.

Vậy Đảng ta đã *kế thừa, vận dụng* và *phát triển* sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh như thế nào và đạt được những thành tựu gì về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam?

- Trước hết, Đảng ta không ngừng tìm tòi, đạt được những phát triển nhận thức mới về *tư tưởng* Hồ Chí Minh, *Di sản* Hồ Chí Minh và khẳng định *thời đại* Hồ Chí Minh là thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước, giữ nước của dân tộc ta.

Nếu năm 1951, tại Đại hội II của Đảng, Đảng ta đặt vấn đề học tập *tác phong* Hồ Chí Minh thì ở thời kỳ Đổi mới, từ Đại hội VI (1986) đến nay, Đảng ta đã từng bước nhận thức về

tư tưởng của Người. Tư tưởng đó không chỉ là vận dụng mà còn là phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, khẳng định những phát triển sáng tạo của Người vừa làm phong phú lý luận vừa bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Một nhận thức hoàn chỉnh về tư tưởng Hồ Chí Minh đã được Đảng ta trang trọng đưa vào Văn kiện Đại hội Đảng và Cương lĩnh của Đảng (Cương lĩnh 2011, bổ sung phát triển) nói rõ nguồn gốc hình thành, nội dung và vai trò, ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh kết tinh những giá trị tinh hoa của dân tộc và nhân loại, là tài sản tinh thần vô giá, bảo đảm cho mọi thắng lợi của cách mạng, là sức mạnh của các thế hệ người Việt nam để thực hiện lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH.

Đảng ta còn nhấn mạnh, di sản vĩ đại mà Người để lại cho toàn Đảng, toàn dân là *Thời đại Hồ Chí Minh*, thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Tư tưởng và Di sản của Người là ngọn cờ dẫn đường đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Việc học tập và làm theo



Việt Nam đạt nhiều thành tựu quan trọng, có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc đổi mới đất nước _Ảnh: Tư liệu

Người không chỉ là đạo đức hay tấm gương đạo đức mà còn là một hệ thống chính thể tư tưởng - đạo đức và phong cách.

Học tập và làm theo tư tưởng - đạo đức - phong cách Hồ Chí Minh phải trở thành *nhu cầu văn hóa* tự giác và sáng tạo, là giải pháp chiến lược để xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng thật trong sạch, thật vững mạnh, triệt để chống quan liêu, tham nhũng và mọi tệ nạn tiêu cực của xã hội, làm cho cả hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh toàn diện. Chú trọng đặc biệt đến nêu gương và trách nhiệm nêu

gương để củng cố, giữ vững niềm tin của nhân dân. Đó là tài sản vô giá của Đảng, của chế độ phải ra sức phát huy.

- Thứ hai, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta ra sức thực hiện chỉ dẫn của Người qua cảm nang kỳ diệu mà Người trao cho chúng ta "*Đi bất biến ứng vạn biến*". Đó vừa là quan điểm và nguyên tắc, vừa là phương pháp và phương châm trong ứng xử và hoạt động để giữ vững lập trường và phương hướng chính trị, để linh hoạt sáng tạo, phù hợp với tình hình và hoàn cảnh, tìm ra giải pháp tốt nhất để giải quyết yêu

cầu, nhiệm vụ đặt ra. Đó là khoa học và nghệ thuật đấu tranh cách mạng, là văn hóa chính trị của Đảng cầm quyền. Thấm nhuần bài học này trong tiến trình đổi mới, Đảng ta đã sáng tạo cả lý luận và phương pháp, cả đường lối và chính sách, biện pháp và bước đi để vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thậm chí có lúc *hiểm nghèo* khi đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, khi Liên Xô đổ vỡ, hệ thống XHCN thế giới tan rã, cách mạng thoái trào mà Việt Nam vẫn *thoát hiểm* và đứng vững, vẫn tiếp tục đi lên thông qua đổi mới. Giải quyết thành công cuộc khủng hoảng, *không để xảy ra khủng hoảng chính trị*, đó là thành công và bản lĩnh của Đảng, từ sự vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đảng ta xác định rõ, kiên quyết và kiên trì giữ vững độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, coi lợi ích dân tộc là cốt lõi của phát triển quốc gia, đó là phát triển sáng tạo tư tưởng của Người, “Tổ quốc trên hết, Dân tộc trên hết” nhưng không rơi vào biệt phái, cực đoan, giáo điều, vẫn giải quyết hài hòa dân tộc và quốc tế, lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế, chủ động hợp tác

song phương và đa phương trong thế giới toàn cầu hóa.

Như đã nói, phương pháp là một trong những đặc sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhờ nắm vững phương pháp, sáng tạo về phương pháp mà Đảng ta đặc biệt chú ý nhận thức và xử lý *các mối quan hệ*. Mười mối quan hệ lớn, Đảng nỗ lực tổng kết từ thực tiễn, khái quát thành lý luận, xác định rõ đó là *nội dung lý luận của đường lối đổi mới*, của việc kiến tạo CNXH Việt Nam, là kết quả vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng ta từ Đại hội XI (8 quan hệ) đến Đại hội XII (9 quan hệ) và Đại hội XIII (10 quan hệ) đã cho thấy bước tiến lớn về tư duy lý luận của Đảng, thành tựu phát triển lý luận của Đảng về xây dựng CNXH về phát triển, hoàn thiện đường lối đổi mới.

- *Thứ ba*, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới và hội nhập, bắt nguồn từ định nghĩa kinh điển của Người về “cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt”, Đảng ta khởi xướng đường lối đổi mới mang tầm vóc của một cuộc cách mạng. Đặc biệt là đổi mới trong điều kiện Đảng cầm

quyền, Đảng đi tiên phong tự đổi mới chính mình để thúc đẩy và dẫn dắt xã hội đi vào đổi mới. Phát triển sáng tạo của Đảng ta là *bắt đầu từ đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế*, trước hết phải đổi mới kinh tế, trên cơ sở đổi mới kinh tế đã bước đầu cho thấy kết quả mà từng bước đổi mới chính trị một cách thận trọng, từ đổi mới hệ thống chính trị tiến đến đổi mới chính trị, đồng bộ với đổi mới kinh tế và thúc đẩy kinh tế phát triển. Gần đây, từ Đại hội XIII, Đảng ta nhấn mạnh, phải *đổi mới thể chế phát triển, thực hiện 3 đột phá chiến lược* (thể chế kinh tế thị trường, hạ tầng cơ sở kinh tế - xã hội và chất lượng nguồn nhân lực), tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền. Đổi mới gắn liền với mở cửa và hội nhập, từ hội nhập kinh tế đến hội nhập quốc tế, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, từ ổn định đến phát triển, từ phát triển tới phát triển bền vững và hiện đại hóa đất nước. Trù tính chiến lược của Đảng ta là đưa đất nước từ lạc hậu, chậm phát triển tới trình độ một nước đang phát triển, tiến tới nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045, phấn đấu xây dựng quốc gia

XHCN có nền công nghiệp hiện đại định hướng XHCN thông qua chiến lược CNH, HĐH. Nhờ phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới và phát triển, Đảng ta từ tổng kết thực tiễn mà xác định rõ *khung lý luận CNXH ở Việt Nam* là hệ thống 8 đặc trưng của xã hội XHCN, 8 phương hướng cơ bản (con đường và mô hình) xây dựng CNXH trong thời kỳ quá độ và 10 mối quan hệ lớn, phản ánh quy luật của đổi mới, là nội dung lý luận của đường lối đổi mới của nước ta. Thành quả lý luận này đánh dấu sự trưởng thành lý luận của Đảng cầm quyền. Trong hệ thống các mối quan hệ lớn đó, Đảng ta chú trọng quan hệ giữa *Đổi mới với ổn định và phát triển*. Đổi mới là con đường, phương thức, phương tiện căn bản để phát triển. Ổn định là điều kiện và phát triển là mục đích. Đổi mới cũng là động lực tổng quát, bao trùm đưa đất nước phát triển với lực đẩy giải phóng lực lượng sản xuất và giải phóng ý thức, tinh thần xã hội, trong khi lợi ích và hài hòa các quan hệ lợi ích là động lực trực tiếp, mãnh liệt, bền bỉ và thường xuyên.

Đảng ta còn tập trung giải quyết các mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà

nước quản lý và nhân dân làm chủ. Đây là quan hệ chính trị, pháp lý giữa các chủ thể mà mục tiêu cần đạt tới là *nhân dân làm chủ*, nhân dân thụ hưởng lợi ích chính đáng, công bằng, nhân dân còn kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực do mình ủy quyền, không để xảy ra tình trạng tha hóa quyền lực.

Lý luận CNXH Việt Nam, lý luận xây dựng CNXH ở Việt Nam gắn chặt với lý luận đường lối đổi mới của Đảng. Thành công của đổi mới cũng là thành công của sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Phát triển sáng tạo tư tưởng đổi mới, tư tưởng về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam của Đảng ta là minh chứng sinh động cho Tư tưởng - Phương pháp - Đạo đức - Phong cách Hồ Chí Minh: *“Đúng quy luật - Thuận lòng dân - Hợp thời đại”*. Đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi này, Đảng phải thực sự *tiên phong về lý luận, tiêu biểu cho đạo đức*, “Đảng là đạo đức, là văn minh; Đảng và Dân gắn bó máu thịt, Đảng vì Dân nên Dân tin Đảng, theo Đảng, Đảng nhạy cảm nắm bắt đúng xu thế của thời đại, của thế giới, có đường lối đổi mới đúng, có chính sách ngoại giao mềm dẻo, linh hoạt, chủ động, thích

ứng”, “là bạn của tất cả các nước”, là “thành viên đáng tin cậy và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”, tận dụng và tạo dựng môi trường hòa bình để phát triển và phát triển, hợp tác trên tinh thần khoan dung văn hóa.

Đảng ta và dân tộc Việt Nam thực hiện khát vọng phát triển đó cũng là thực hiện tâm nguyện hoài bão của Người bằng sức mạnh của *văn hóa hòa bình và văn hóa khoan dung* mà Người là biểu tượng và kết tinh.

- *Thứ tư*, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, *Đảng ta đã tập trung mọi nỗ lực vào công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng*, thực hiện chỉ dẫn của Người, phải làm cho Đảng thực sự là một Đảng Cách mạng chân chính “giữ chủ nghĩa cho vững” và “ít lòng tham muốn về vật chất” (Đường Cách mệnh, 1927), ra sức “Sửa đổi lối làm việc của Đảng”, 1947, thực hiện 12 điều xây dựng Đảng (“Sửa đổi lối làm việc”, 1947), “nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân” (1969) và Di chúc (1969) để xứng đáng là một Đảng cầm quyền. Phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta gắn chặt xây dựng với chỉnh đốn Đảng, mở rộng nội dung xây dựng Đảng trên các

lĩnh vực chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Xây dựng Đảng về văn hóa, xây dựng Nhà nước pháp quyền, chính phủ liêm chính, định hình văn hóa liêm chính trong thể chế, giáo dục danh dự, liêm sỉ trong Đảng, áp dụng các chế tài để giám sát, kiểm soát đảng viên, dựa vào dân mà xây dựng Đảng với 19 điều cấm đảng viên không được làm. Đó cũng là bước chuẩn bị để xây dựng bộ Luật đạo đức trong xã hội, trước hết là trong Đảng.

Thứ năm, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta tập trung vào giáo dục, huấn luyện, đào tạo và kiểm soát cán bộ.

Cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Đào tạo, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng. Đây là khâu then chốt của then chốt. Đây là vấn đề vô cùng hệ trọng, chất lượng đội ngũ cán bộ quyết định thành bại của cả một sự nghiệp. Trong công tác cán bộ, Đảng ta ngày càng ý thức rõ tầm quan trọng, tiêu chuẩn của cán bộ nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt, quá trình lựa chọn, sàng lọc cán bộ, xử lý nghiêm minh theo luật nước (Pháp luật), luật Đảng (Điều lệ). Trong giải pháp đột phá chất lượng nguồn nhân lực, Đảng ta xác định ưu

tiên trước hết cho chất lượng nguồn nhân lực lãnh đạo, quản lý, nâng cao trình độ cán bộ về lý luận, học vấn chuyên môn, nghiệp vụ, rèn luyện cán bộ trong môi trường thực tiễn, kiểm tra giám sát cán bộ bằng thể chế, thiết chế, bằng đánh giá của tổ chức và nhân dân.

Làm như vậy, chẳng những thấm nhuần chỉ dẫn Hồ Chí Minh mà còn phát triển sáng tạo tư tưởng của Người trong tình hình hiện nay và trước yêu cầu mới của sự phát triển cách mạng.

Đó là 5 điểm chủ yếu thể hiện sự vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng ta về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, cần tiếp tục đi sâu tổng kết và phát triển trên một trình độ mới.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo và cầm quyền, thắng lợi của Đổi mới, thành công của công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam, tương lai triển vọng đất nước ra sao - điều đó tùy thuộc vào chất lượng đội ngũ cán bộ đảng viên, tùy thuộc vào sức chiến đấu, bản lĩnh sáng tạo của Đảng. Tư tưởng và Di sản Hồ Chí Minh vẫn là và mãi mãi là nguồn sáng dẫn đường, chỉ dẫn cho toàn Đảng, toàn dân đi tới thắng lợi ■

NHẬN THỨC MỚI VỀ THỜI ĐẠI VÀ ĐẶC ĐIỂM MỚI VỀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN

Xã hội loài người tiến lên phía trước theo quy luật khách quan nhưng với đường đi không phải lúc nào cũng thẳng tắp, đều đặn, nhịp nhàng. Những bước phát triển của xã hội được “đo” hoặc “đánh dấu” bằng những phương thức khác nhau, nhưng cách đánh giá có tính khái quát và chuẩn xác nhất là qua hình thái kinh tế - xã hội, là xác định sự phát triển xã hội bằng những chuyển biến, những thay đổi có tính bước ngoặt, được bắt đầu từ những sự kiện đặc biệt, báo hiệu sự chuyển hóa về chất của đời sống xã hội. Thước đo sự phát triển của xã hội loài người như vậy là “đo” bằng *thời đại*.

Nhận thức rõ bản chất và nội dung của thời đại cũng như cục diện và tình hình thế giới là một công việc rất cần thiết. Mỗi quốc gia, dân tộc cần biết mình đang sống trong thời đại gì và

bối cảnh thế giới nào, với những tính chất, đặc điểm, nội dung và xu thế phát triển ra sao. Hiểu biết sâu sắc về thời đại giúp ta tìm thấy xu hướng tất yếu trong vô vàn những hiện tượng phức tạp, mang tính ngẫu nhiên của đời sống xã hội, giúp ta nhìn xa trông rộng, nắm bắt khuynh hướng và quy luật phát triển của nhân loại để vừa có thể lựa chọn được hướng đi phù hợp với sự phát triển của lịch sử; lường trước được những thách đố phức tạp, tránh được những vấp vấp sai lệch trên đường đi; từ đó sẽ không bị chao đảo hoặc bị cuốn trôi trước phong ba bão táp của đời sống chính trị quốc tế. V.I.Lênin đã từng chỉ rõ: lý luận Mác-xít tuyệt đối đòi hỏi người ta khi phân tích bất cứ vấn đề xã hội nào phải đặt trong bối cảnh lịch sử nhất định, vì chỉ có dựa trên cơ sở hiểu biết những đặc điểm cơ bản của một thời đại, người

ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết của nước này hay nước khác. Nói cách khác, vấn đề thời đại là căn cứ khách quan và tiền đề cần thiết để các chính đảng đi theo chủ nghĩa Mác phân tích tình hình, xác định nhiệm vụ, phân chia trận tuyến, xây dựng chiến lược, hoạch định chính sách, triển khai thực hiện một cách khoa học. Chính vì lẽ đó, khi bàn về những vấn đề lớn của cách mạng, trước đây cũng như bây giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta bao giờ cũng bắt đầu bằng việc phân tích đặc điểm, nội dung, xu thế phát triển của thời đại và nhận định các mặt của tình hình thế giới để xác định đúng con đường đi của cách mạng Việt Nam và đề ra đường lối đối nội, đối ngoại đúng đắn, sáng tạo.

I. NHẬN THỨC VỀ THỜI ĐẠI

1.1. Khái niệm về thời đại

Trong sách báo, trên các phương tiện thông tin đại chúng, hai chữ “thời đại” được dùng khá phổ biến. Với ý nghĩa thông thường nó thường được đồng nhất với các khái niệm “giai đoạn”, “thời kỳ”... Trong các lĩnh vực khoa học khác nhau, “thời đại” cũng được dùng để chỉ các giai đoạn, thời

kỳ khác nhau trong lĩnh vực đó. Trong các tác phẩm về lịch sử và kinh tế, thường thấy các khái niệm như “thời đại đồ đá”, “thời đại đồ đồng”, “thời đại đồ sắt”, “thời đại hơi nước”, “thời đại kinh tế hái lượm và săn bắt”, “thời đại kinh tế nông nghiệp”, “thời đại kinh tế công nghiệp”, “thời đại kinh tế tri thức”... Khái niệm thời đại còn được sử dụng trong các cụm từ như: thời đại phong kiến, thời đại giai cấp tư sản, thời đại chủ nghĩa đế quốc, thời đại cách mạng vô sản... Trong quân sự, thời đại lại được sử dụng để mô tả các thời kỳ quân sự khác nhau, như: thời đại binh khí lạnh, thời đại binh khí nóng, thời đại hạt nhân v.v...

Thực ra, “thời đại” là một khái niệm rất linh hoạt. Cách diễn đạt tương ứng trong tiếng Anh là “Epoch”, vừa chỉ một khoảng thời gian có đặc trưng nhất định, vừa chỉ thời điểm có một vài đặc điểm nổi bật. Từ điển tiếng Anh đương đại Longman xuất bản năm 1987 xác định: “Thời đại là một thời kỳ lâu dài của trái đất hay lịch sử xã hội loài người”.

Theo Từ điển Bách Khoa Việt Nam, thời đại là “thời kỳ lịch sử tương đối dài với xu thế và nội dung phát triển

riêng biệt xét về mặt phát triển kinh tế xã hội hoặc về mặt văn hóa, coi như là một chặng đường không lặp lại trên quá trình tiến bộ xã hội”. Thời đại lịch sử có thể là toàn bộ thời kỳ phát triển của một hình thái kinh tế - xã hội hoặc những giai đoạn chủ yếu trong hình thái ấy.

Từ điển Tiếng Việt lại xác định: thời đại là “khoảng thời gian lịch sử dài được phân chia ra theo những sự kiện có đặc trưng giống nhau”. Theo định nghĩa này, khái niệm thời đại có tiêu chí “thời gian lịch sử dài” và “những sự kiện có đặc trưng giống nhau”. Nhưng định nghĩa đó cũng chưa thật rõ ràng vì bao nhiêu thời gian thì được coi là dài và sự kiện có đặc trưng giống nhau có phải là những công cụ đặc trưng về phát triển lực lượng sản xuất ứng với mỗi thời đại không?

Ở Việt Nam, cho đến nay, trong các công trình nghiên cứu, trong giáo trình giảng dạy các bộ môn khoa học C.Mác - V.I.Lênin, đã đi đến thống nhất quan niệm “Thời đại là một khái niệm khoa học dùng để phân kỳ lịch sử xã hội, phân biệt những nấc thang phát triển của xã hội loài người”. Khái niệm này là khái niệm chung nhất cho tất cả các

khoa học, các cách quan niệm về thời đại lịch sử; đương nhiên mỗi khoa học, trong quan niệm của mình đều có cơ sở và tiêu chí để “phân kỳ lịch sử xã hội” riêng. Khái niệm này là đúng, nhưng mới dừng lại ở mức độ chung nhất, nó chưa nói lên được bản chất, nội dung của thời đại, của một thời kỳ lịch sử cụ thể. Khái niệm này cũng chưa nói đến việc phân kỳ lịch sử, xem xét và phân chia thời đại cần phải dựa trên cơ sở nào, và cần hiểu như thế nào về “những nấc thang phát triển” của lịch sử xã hội loài người.

Như vậy, mặc dù quan niệm về thời đại được trình bày dưới nhiều chỗ đúng và cách nhìn khác nhau, nhưng đều trả lời hai câu hỏi: phân kỳ cái gì và phân kỳ như thế nào (tiêu chí nào). Từ đó có thể thấy có ba quan niệm chủ yếu là:

- Thời đại là một thời kỳ lịch sử dài được đánh dấu bằng sự tiến bộ của công cụ sản xuất: thời đại đồ đá, thời đại đồ đồng, thời đại đồ sắt,...

- Thời đại được đánh dấu bằng sự tiếp nối của các phương thức sản xuất (hoặc hình thái kinh tế - xã hội): thời đại công xã nguyên thủy, thời đại chiếm hữu nô lệ, thời đại phong kiến,

thời đại tư bản chủ nghĩa, thời đại cộng sản chủ nghĩa.

- Thời đại được phân chia theo trình độ phát triển của các nền văn minh: thời đại văn minh nông nghiệp, thời đại văn minh công nghiệp, thời đại văn minh hậu công nghiệp hoặc văn minh trí tuệ, văn minh tin học.

Ngoài ra thuật ngữ “thời đại” còn dùng để nói lên một đặc trưng nổi bật của sự phát triển trong một thời gian nhất định của lịch sử, tất nhiên là không ngắn hạn: thời đại đế quốc chủ nghĩa, thời đại cách mạng vô sản, thời đại khoa học kỹ thuật, thời đại toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế,...

Từ những cách hiểu như trên, có thể hiểu thời đại theo nghĩa rộng và theo nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng, thời đại là khái niệm về thời gian để chỉ sự phân kỳ lịch sử xã hội và để phân biệt những nấc thang phát triển xã hội mà theo đó

nấc thang cao hơn, tiến bộ hơn phủ định nấc thang cũ, lạc hậu để mở đường cho sự phát triển một thời đại mới. Còn thời đại theo nghĩa hẹp là khái niệm về thời gian để chỉ xu thế và nội dung phát triển riêng biệt xét trên phương diện kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, công nghệ...

Trong khi khẳng định thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta nhận rõ tình hình phức tạp, quanh co và rất lâu dài của quá trình chuyển biến xã hội nên đã hướng vào đánh giá trực tiếp những động thái, đặc trưng, xu hướng và tính chất trong giai đoạn hiện nay của thời đại. C

Như vậy đối tượng nghiên cứu của chuyên đề này là thời đại theo nghĩa rộng.

1.2. Nhận thức mới của Đảng Cộng sản Việt Nam về thời đại

Đảng ta luôn xác định nhận thức rõ bản chất, nội dung của thời đại cũng như cục diện và tình hình thế giới là một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Trong khi khẳng định thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta nhận rõ tình hình phức tạp, quanh co và rất lâu dài của quá trình chuyển biến xã hội nên đã hướng vào đánh giá trực tiếp những động thái, đặc trưng, xu hướng và tính chất trong

giai đoạn hiện nay của thời đại. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng năm 1991 đã nêu rõ: “Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc gay go, phức tạp của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co, song, loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử”¹. Tiếp đó, “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)” lại nêu rõ: “Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với các chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. Theo quy luật tiến hóa

của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”².

Tiến cùng thời đại là cả hướng đi lâu dài, con đường chúng ta đi tới không thể ngắn, đích đến không thể nằm trước năm sau, vậy nên vấn đề bức thiết lại là từng chặng, từng bước đi ra sao. Nắm chắc đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với các chế độ xã hội khác nhau, trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, phát triển và tiến bộ xã hội..., chúng ta sẽ có cách nhìn tinh táo, không bị mất phương hướng, từ đó xây dựng và tăng thêm quyết tâm và niềm tin vào cách mạng xã hội chủ nghĩa, đồng thời xuất phát từ thực tế, đưa ra những chiến lược và sách lược hợp lý, khả thi liên quan đến sự phát triển đất nước.

Mặc dầu Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu bị sụp đổ, hệ thống XHCN thế giới bị phá vỡ, Đảng ta vẫn khẳng định tiếp tục đưa nước ta quá độ đi lên CNXH. Đó là xu thế tất yếu khách quan của lịch sử trong thời đại ngày nay. Sự sụp đổ của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu là sự kiện bi kịch lịch sử, song nó cũng giúp chúng

ta khắc phục tư duy siêu hình, nhận thức đơn giản, máy móc sự phát triển của lịch sử, từ đó cần có sự nhận thức biện chứng, sâu sắc về thời kỳ quá độ lên CNXH, đó là con đường phát triển quanh co, phức tạp, bao gồm cả những bước thụt lùi tạm thời; là con đường đấu tranh lâu dài, gay go, gian khổ giữa các lực lượng phản động và các lực lượng tiến bộ trong nước cũng như trên thế giới.

II. NHẬN THỨC VỀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH

2.1. Khái niệm về thời kỳ quá độ

Thời kỳ quá độ thường được hiểu là thời kỳ chuyển biến từ xã hội cũ sang xã hội mới. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác cho rằng, giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia và thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị. Đặc điểm bao trùm của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản chính là xã hội quá độ, bao gồm những thực trạng, dấu vết, tàn tích của xã hội tư bản chủ nghĩa ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; đồng thời là sự xuất hiện và hình thành những nhân tố của xã hội mới

(xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa). Đây là thời kỳ mà những tố chất của xã hội cũ, trật tự cũ đang bị đẩy lùi, dần mất đi hoặc biến đổi nhưng chưa mất hẳn với những yếu tố mới đang hình thành, từng bước củng cố và phát triển nhưng chưa được khẳng định vững chắc. Các tố chất cũ và mới đan xen nhau, tác động và chuyển hóa lẫn nhau tạo ra những tình huống mâu thuẫn, xung đột hoặc dung hòa với tính chất và mức độ khác nhau làm cho thời kỳ quá độ là thời kỳ lâu dài, có rất nhiều khó khăn, phức tạp.

2.2. Nhận thức mới về thời kỳ quá độ lên CNXH

Đối với nước ta, thời kỳ quá độ là thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đảng ta xác định “*bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là về khoa học và công nghệ, để phát triển như lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại*”³. Phân tích sâu sắc hơn về

vấn đề này, trong tác phẩm của mình, Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Phú Trọng xác định: “Nói bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua chế độ áp bức, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua những thói hư, tật xấu, những thiết chế, thể chế chính trị không phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa, chứ không phải bỏ qua cả những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên, việc kế thừa những thành tựu này phải có sự chọn lọc trên quan điểm khoa học, phát triển”⁴.

L luận cứ về việc tại sao chúng ta không lựa chọn mà lại bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa được Tổng Bí thư Đảng ta khẳng định rất sáng tỏ: “Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên nhân phẩm con người. Chúng ta cần sự phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công; “cá lớn nuốt cá bé”, vì

lợi ích vị kỷ của một số cá nhân và các nhóm. Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn và hủy hoại môi trường. Và, chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một số giàu có”⁵. Thật là một áng hùng văn lay động lòng người!

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa mang tính đặc thù, chưa có tiền lệ trong lịch sử nên đối với nước ta, đây là chặng đường cách mạng đầy khó khăn, thách thức. Những thách thức đó là: Thứ nhất, chúng ta tiến bước cùng nhân loại nhưng lại ở điểm xuất phát thấp, từ một xã hội đang phát triển với nền sản xuất nhỏ manh mún, lạc hậu. Thứ hai, đất nước trải qua các cuộc chiến tranh tàn khốc, giành được những thắng lợi vẻ vang nhưng phải gánh chịu những tổn thất nặng nề về nhân lực, vật lực, về cơ sở hạ tầng kinh tế nên phải hàn gắn và xây dựng lại.

Thứ ba, trong những thập niên vừa qua thế giới có nhiều biến động phức tạp khôn lường, đặc biệt là sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu nên cũng bị mất đi sự giúp đỡ tích cực, nhiều mặt của anh em bạn bè trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Đây không chỉ là sự hẫng hụt về vật chất mà còn là sự tác động tiêu cực về tinh thần, tư tưởng. *Thứ tư*, nước ta bị các thế lực thù địch bao vây, cấm vận trong những năm đầu thời kỳ đổi mới và cho tới nay cũng luôn phải đấu tranh với các thế lực thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chế độ xã hội mà chúng ta đang xây dựng.

Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: *“Càng đi sâu vào thực tiễn, Đảng ta càng nhận thức được rằng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp, vì nó phải tạo sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất rất thấp, lại trải qua mấy chục năm chiến tranh, hậu quả rất nặng nề; các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách*

phá hoại nên lại càng khó khăn, phức tạp, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước đi, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen nhau, có sự đấu tranh giữa cái cũ và cái mới”⁶.

Quá trình hình thành, phát triển nhận thức về quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là những phát kiến sáng tạo. Nhận thức lý luận và thực tiễn về quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa trong điều kiện đã có hệ thống xã hội chủ nghĩa là hai lần sáng tạo. Đối với Việt Nam hiện nay, chúng ta đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa trong điều kiện kinh tế xã hội trong nước còn lạc hậu, yếu kém, thế giới diễn biến phức tạp, nhất là sự tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu đòi hỏi sự sáng tạo gấp nhiều lần. Hàng loạt các vấn đề về nhận thức và vô vàn nhưng khó khăn phức tạp trong thực tiễn đặt ra để giải đáp câu hỏi lớn: Những nội dung và những nhiệm vụ chủ yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam là gì?

Trình bày một cách khái quát lại rất sâu sắc, dễ hiểu, không chỉ nêu rõ nội dung và những nhiệm vụ chủ yếu mà cả phương pháp giải quyết các vấn đề đặt ra trong quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng xác định: “Trong thời kỳ quá độ, các nhân tố xã hội chủ nghĩa được hình thành, xác lập và phát triển đan xen, cạnh tranh với các nhân tố phi xã hội chủ nghĩa, gồm cả các nhân tố tư bản chủ nghĩa trên một số lĩnh vực. Sự đan xen, cạnh tranh ngày càng phức tạp và quyết liệt trong điều kiện cơ chế thị trường và mở cửa, hội nhập quốc tế.

Bên cạnh các mặt thành tựu, tích cực, sẽ luôn có những mặt tiêu cực, thách thức cần được xem xét một cách tỉnh táo và xử lý một cách kịp thời, hiệu quả. Đó là cuộc đấu tranh rất gay go, gian khổ, đòi hỏi phải có tầm nhìn mới, bản lĩnh mới và sức sáng tạo mới. Đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình không ngừng củng cố, tăng cường, phát huy các nhân tố xã hội chủ nghĩa để các nhân tố đó ngày càng chi phối, áp đảo và chiến thắng. Thành công hay thất bại là phụ thuộc trước hết vào sự đúng đắn của đường lối, bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng” ■

¹ ĐCSVN: Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.514.

² ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, 2011, tr.69

³ ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.21.

^{4, 5, 6, 7} Nguyễn Phú Trọng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2022, tr.25, 25, 25, 35-36.

PHÁT HUY ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC LÀ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CẤP CHIẾN LƯỢC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG TRONG THỜI KỲ MỚI

● TS BÙI TRƯỜNG GIANG

Phó Chủ tịch - Tổng thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương

Mở đầu

Trí thức dù trong thời đại nào và ở quốc gia nào cũng đều là một tầng lớp tinh hoa xã hội, có những đóng góp quan trọng vào xu hướng phát triển của loài người và cho mỗi quốc gia, dân tộc và cộng đồng xã hội. Việt Nam là một quốc gia sớm có truyền thống phát hiện và trọng dụng hiền tài, coi *hiền tài là nguyên khí quốc gia*. Kế tục truyền thống dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đặt đội ngũ trí thức là một bộ phận cấu thành động lực phát triển đất nước, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc dựa trên cơ sở liên minh công - nông - trí. Đảng, Nhà nước luôn có chủ trương, tầm nhìn chiến lược nhằm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh đội ngũ trí

thức; Nhân dân cũng luôn trọng thị đội ngũ trí thức. Đáp lại sự kỳ vọng của Đảng, Nhà nước và Nhân dân, đội ngũ trí thức Việt Nam đã có nhiều cống hiến lớn lao vào tiến trình lịch sử dân tộc, sự nghiệp cách mạng, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong sự cống hiến chung của đội ngũ trí thức nước nhà, có một phần đáng kể của trí thức là lãnh đạo, quản lý trên các lĩnh vực, địa bàn then chốt của Đảng và hệ thống chính trị. Đây chính là lực lượng trí thức thuộc tầng lớp tinh hoa dân tộc - “tinh hoa của tinh hoa” - gắn với những chức danh giữ các vị trí chủ chốt của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và lực lượng vũ trang... đảm nhận vai trò nghiên cứu, tham mưu, hoạch định, lãnh đạo, chỉ

đạo, quản lý và tổ chức thực hiện mang tầm chiến lược và hệ thống.

1. Một số vấn đề chung về trí thức, về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của đội ngũ trí thức là lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định *trí thức là một tầng lớp xã hội đặc biệt* chuyên lao động trí óc phức tạp, có trình độ học vấn, đại diện cho trí tuệ đương thời mà xã hội đạt được. Họ là những người sáng tạo, phổ biến và vận dụng trí thức vào đời sống xã hội, thúc đẩy nhanh sự phát triển và tiến bộ xã hội. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, trí thức Việt Nam là những người lao động trí óc, họ *luôn gắn bó với Đảng, với cách mạng và Nhân dân*. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định trí thức là một bộ phận quan trọng trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hình thành nền tảng xã hội của chế độ mới. Theo tinh thần nêu trên, Nghị quyết Đại hội XIII khẳng định trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu trí thức, tạo ra những sản

phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội.

Khi Tuyên ngôn Đảng Cộng sản ra đời (tháng 2 năm 1848), Các Mác và Ăngghen đã đặt sứ mệnh của giai cấp vô sản vào vị trí “là người đào mồ chôn chủ nghĩa Tư bản”, Lênin tiếp tục phát triển chủ nghĩa Mác trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác đã phác họa được chân dung chính trị của giai cấp vô sản hoàn toàn mới so với giai cấp nô lệ, họ là lực lượng lao động theo phương thức sản xuất hiện đại (sản xuất công nghiệp), họ được trang bị nguồn trí thức tiên tiến của thời đại, được chính đảng vô sản lãnh đạo, được hệ tư tưởng cách mạng tiến bộ nhất, triệt để nhất hướng đạo, họ lại có mối quan hệ máu thịt với nông dân, nên họ hoàn toàn có khả năng kết nối lực lượng, lãnh đạo cách mạng. Đảng Cộng sản Việt Nam ngay khi mới ra đời đã mang bản chất giai cấp vô sản, đại diện cho lợi ích tối cao của dân tộc và giai cấp. Có một điểm chung trong luận điểm của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin là *dùng sức mạnh trí thức để chiến thắng kẻ áp bức, bóc lột, cải biến xã hội ngày một tốt đẹp hơn*.

Luận điểm trên được Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo; được Người chắt lọc thành khát vọng tột bậc là làm sao để “Dân ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”, đúc kết lại trong điều mong mỏi cuối cùng là toàn Đảng, toàn dân đoàn kết, phấn đấu “xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, đóng góp tích cực vào cách mạng thế giới”. Như thế, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, những giá trị phổ quát mà nhân loại ước vọng chính là có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc, an lành, đó chính là giá trị tinh hoa thời đại được những người Cộng sản Việt Nam bồi đắp thành lý tưởng cộng sản. Sau 92 năm lãnh đạo Nhân dân làm cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, đúc kết ở một tầm cao mới về tư duy chiến lược, về nhận thức và hành động vì một nước

Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc, vì một thế giới tự do, bình đẳng và bác ái thực sự.

Đội ngũ trí thức là cán bộ lãnh đạo, quản lý của đất nước ta qua các thời kỳ lịch sử đã và đang thể hiện vai trò làm cầu nối giữa lý luận với thực tiễn, chuẩn bị tiền đề, luận cứ khoa học cho Đảng, Nhà nước hoạch định chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật phù hợp hoàn cảnh, điều kiện của Việt Nam trong từng thời kỳ cách mạng. Sản phẩm mà trí thức lãnh đạo, quản lý cống hiến cho Đảng, Nhà nước chính là những *ý tưởng đổi mới sáng tạo* dựa trên kết quả miệt mài nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn

Đội ngũ trí thức là cán bộ lãnh đạo, quản lý của đất nước ta qua các thời kỳ lịch sử đã và đang thể hiện vai trò làm cầu nối giữa lý luận với thực tiễn, chuẩn bị tiền đề, luận cứ khoa học cho Đảng, Nhà nước hoạch định chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật phù hợp hoàn cảnh, điều kiện của Việt Nam trong từng thời kỳ cách mạng.

về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; đó còn là quá trình đóng góp trực tiếp vào công tác lãnh đạo, quản lý, là sự cụ thể hóa chủ trương, chính sách, pháp luật vào đời sống xã hội, là sự tổng kết thực tiễn đổi mới trên từng lĩnh vực, địa bàn, là sự

tìm kiếm giải pháp tháo gỡ khó khăn, thách thức có tính lịch sử, thúc đẩy sự nghiệp đổi mới đồng bộ, toàn diện. Hoạt động nghiên cứu khoa học của trí thức nói chung, nhất là hoạt động của đội ngũ trí thức trên cương vị lãnh đạo, quản lý nói riêng thường chịu tác động của điều kiện, bối cảnh quốc tế và trong nước, của xu thế phát triển thế giới, những thành tựu phát triển của khoa học, công nghệ, môi trường chính trị toàn cầu, môi trường chính trị trong nước, cơ chế, chính sách đối với đội ngũ trí thức, điều kiện làm việc của trí thức, sự tôn vinh, sự kỳ vọng của xã hội đối với trí thức... Ngoài những yếu tố nêu trên, có một yếu tố chủ quan, nội tại trong đội ngũ trí thức Việt Nam, có tác động và ảnh hưởng sâu sắc, quyết định tới chất lượng, hiệu quả hoạt động của trí thức, đó là *tâm cao trí tuệ và nhiệt huyết cách mạng sâu sắc*, như Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ dạy là phải *đủ đức đủ tài, ngang tầm nhiệm vụ* được Đảng, Nhà nước giao phó cho đội ngũ trí thức là lãnh đạo, quản lý.

2. Bối cảnh, yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng đối với đội ngũ trí thức là lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược hiện nay

Toàn cầu hóa ngày càng diễn ra sâu rộng, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang tác động mạnh mẽ, sâu sắc tới xu thế phát triển toàn cầu và mỗi quốc gia. Các lĩnh vực an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống đan xen gây ra nhiều thách thức, đặc biệt là cuộc xung đột Nga - Ukraine và các điểm nóng khác trên thế giới đang đưa thế giới vào một thời khắc *đại biến động và bất định, khó lường*. Trong nước, *bốn nguy cơ* trong đó có “*diễn biến hòa bình*”, nguy cơ chệch hướng XHCN, tụt hậu chẳng những chưa mất đi mà có mặt còn có mặt phức tạp hơn; cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực còn nhiều cam go, thách thức. Để kiên định, không chệch hướng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, bắt kịp được xu thế phát triển thời đại, thì yêu cầu mới đặt ra là càng phải *phát huy hơn nữa đội ngũ trí thức nước nhà, trọng dụng nhân tài, nâng cao tầm vóc trí tuệ dân tộc, làm giàu nguyên khí quốc gia*.

Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII, *đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*, đạt mục tiêu “Đàn

giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Đây là khát vọng chính đáng, dựa trên quyết tâm chính trị, cơ sở khoa học và cơ đồ, tiềm lực quốc gia.

Sau 92 năm có Đảng lãnh đạo, nhất là 36 năm đổi mới đất nước, *Việt Nam chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế, uy tín trên trường quốc tế như hiện nay.* Điều này đã được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhiều lần khẳng định, được đưa vào Nghị quyết Đại hội XIII. Tầm tư duy chiến lược của Đảng về sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới tiếp tục đặt ra

yêu cầu, nhiệm vụ nặng nề nhưng rất vinh quang đối với đội ngũ trí thức Việt Nam. Có thể phác họa một số định hướng lớn, nhiệm vụ trọng tâm đối với đội ngũ trí thức Việt Nam nói chung, trước hết là của đội ngũ trí thức là lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược đối

với sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ mới như sau:

Một là, trên lĩnh vực tư tưởng-lý luận của Đảng, đội ngũ trí thức có nhiệm vụ song trùng, vừa tự bồi đắp

lý tưởng cách mạng của Đảng, vừa dẫn hướng tạo dòng chủ lưu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn xã hội. Trong đó, đội ngũ trí thức là lãnh đạo, quản lý đóng vai trò tham mưu, hoạch định đường lối, định hướng xu hướng phát triển theo đúng quy luật khách quan, xu thế thời đại, đồng thời phải phù hợp thực tiễn trong nước trong từng thời kỳ cách mạng. Đứng mũi chịu sào trong tiến trình

cách mạng, đội ngũ trí thức là lãnh đạo, quản lý trên các lĩnh vực then chốt phải thể hiện sự trung thành tuyệt đối với lý tưởng cách mạng của Đảng, bảo vệ tính đúng đắn, giá trị trường tồn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên

Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII, đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đạt mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Đây là khát vọng chính đáng, dựa trên quyết tâm chính trị, cơ sở khoa học và cơ đồ, tiềm lực quốc gia.

định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Để làm giàu vốn tri thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đội ngũ trí thức là cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược chính là những người đi đầu trong nghiên cứu lý luận, bổ sung, hoàn thiện những vấn đề mấu chốt, những giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cần tiếp tục vận dụng, phát triển sáng tạo trong thời kỳ mới. Đồng thời cũng phải tăng cường đúc kết thực tiễn sau 40 năm đổi mới đất nước, từ đó rút ra một số vấn đề lớn có tính khái quát ở tầm lý luận, một số bài học kinh nghiệm quý báu, có tính lịch sử trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Đối với yêu cầu đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới nhằm hiện thực hóa khát vọng dân tộc phồn vinh, hạnh phúc, đội ngũ trí thức là cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược thực sự có vai trò đặc biệt, họ chính là những người tiêu biểu cho ý chí tự lực, tự cường, cho trí tuệ, bản lĩnh Việt Nam, là hạt nhân trí tuệ trong Đảng và khối đại đoàn kết toàn dân

tộc. Họ không chỉ trực tiếp tham gia vào quá trình làm giàu lý luận cách mạng mà còn là lực lượng nòng cốt trên mặt trận tư tưởng-lý luận của Đảng, dẫn hướng cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chống lại quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, phần tử cơ hội chính trị, không để xa rời, chệch hướng xã hội chủ nghĩa.

Hai là, trên lĩnh vực xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, đội ngũ trí thức là lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược cần quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng trong Nghị quyết Đại hội XIII là tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh, ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ mới, từ đó tìm tòi, nghiên cứu và tư vấn với Đảng, Nhà nước những công trình có tầm chiến lược, là những người đóng góp chủ yếu về lý luận và thực tiễn để Đảng, Nhà nước có cơ sở khoa học xác định tầm nhìn chiến lược và con đường cách mạng Việt Nam. Đội ngũ trí thức là lãnh đạo, quản lý trên các lĩnh vực then chốt của Đảng và hệ thống chính trị có vai trò rường cột giữ vững bản chất cách mạng của Đảng, giữ vững

bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của dân, do dân và vì dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Những công trình nghiên cứu của đội ngũ trí thức là lãnh đạo, quản lý trên các lĩnh vực then chốt góp phần làm giàu cơ sở khoa học, cung cấp những luận cứ khoa học và giám sát, phản biện xã hội một cách xác đáng, làm cơ sở tham khảo giúp Trung ương hoạch định đường lối xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Tính chính trị của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là đặt lợi ích của quốc gia-dân tộc, của Nhân dân lên trên hết, trước hết. Theo đó, đội ngũ trí thức là lãnh đạo, quản lý trên các lĩnh vực then chốt vừa nghiên cứu, vừa ứng dụng những vấn đề căn cốt liên quan đến xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh, làm cho Đảng ta ngày càng thực sự là đạo đức, là văn minh như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bảo vệ và làm sâu sắc tính chính danh và hợp hiến vai trò chính trị của Đảng đối với đất nước cũng là một yêu cầu đối với trí thức là lãnh đạo, quản lý trên các lĩnh vực then

chốt, theo đó, cần tập trung nghiên cứu và tư vấn với Đảng về những cơ sở lý luận-thực tiễn, cơ sở lịch sử, chính trị- xã hội của một đảng cầm quyền duy nhất ở Việt Nam.

Ba là, trên lĩnh vực phát triển kinh tế-văn hóa-xã hội, đây là lĩnh vực được Đảng xác định là nhiệm vụ chiến lược trung tâm của sự nghiệp đổi mới, do vậy trách nhiệm và nghĩa vụ của đội ngũ trí thức là phải dấn thân, cống hiến trí tuệ, tâm huyết vào quá trình xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đội ngũ trí thức là lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược là những người trực tiếp xây dựng và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật cho phát triển kinh tế-văn hóa-xã hội, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Do đó, yêu cầu đặt ra là đội ngũ trí thức làm lãnh đạo, quản lý phải ngang tầm nhiệm vụ, làm đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, “đúng vai, thuộc bài”, lãnh đạo, điều hành, quản trị quốc gia dựa trên các luận cứ khoa học và bám sát thực tiễn. Không duy ý chí, không nóng vội, không trốn tránh trách nhiệm, dám nghĩ, dám

làm, tiên phong hiến kế với Đảng, Nhà nước về những ý tưởng tiến bộ, mô hình mới, cách làm sáng tạo.

Riêng về văn hóa, xã hội, đây là những lĩnh vực liên quan đến quốc kế dân sinh và tính ưu việt của chế độ ta. Trong đó, đội ngũ trí thức vừa là chủ thể tiếp thu, vận dụng sáng tạo những giá trị sống có tính phổ quát của nhân loại, vừa là chủ thể gìn giữ và phát huy các giá trị truyền thống, giá trị văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đậm tính nhân bản, nhân văn trong thời hội nhập và phát triển bền vững. Trí thức là lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược đảm trách vai trò tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện những chủ trương, chính sách và cụ thể hóa vào đời sống xã hội, làm cho văn hóa, con người và xã hội Việt Nam thực sự là chuẩn mực giá trị sống cao đẹp. Về văn hóa, trí thức cần tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để làm cho văn hóa ngang hàng với kinh tế, chính trị, xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam trong thời hội nhập; nghiên cứu các giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc, biến các giá trị đó thành sức mạnh mềm của

dân tộc. Về xã hội, cần đi sâu nghiên cứu về quản trị quốc gia, quản lý phát triển xã hội theo hướng phát triển bền vững, bao trùm, đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển; nghiên cứu cơ chế, chính sách đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, đền ơn đáp nghĩa với các đối tượng có công với nước, với tầng lớp những người yếu thế trong xã hội, không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển đất nước; những nghiên cứu, tư vấn và hoạch định chủ trương, chính sách góp phần đẩy mạnh đổi mới giáo dục và đào tạo, chăm lo sức khỏe nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội trên tất cả các lĩnh vực, địa bàn cho người dân...đều là những vấn đề vừa căn cơ vừa cấp thiết.

Bốn là, trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại - lĩnh vực trọng yếu, thường xuyên, liên quan đến chủ quyền quốc gia-dân tộc, hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước - đội ngũ trí thức cần phát huy nhiều hơn nữa trí tuệ, tâm huyết để nâng cao tiềm lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, của thế trận lòng dân, của nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, của đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ,

hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa; “là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”. Trong đó, đội ngũ trí thức lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược là đầu mối nghiên cứu, tham mưu tổng hợp các công trình khoa học quân sự, khoa học an ninh, khoa học ngoại giao-đối ngoại, chuyển tải tư tưởng, phương châm về nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, về nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân, đồng thời cụ thể hóa tư tưởng, phương châm đó thành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, giải pháp hữu hiệu vào từng lĩnh vực, địa bàn. Mỗi cán bộ, sĩ quan, đại sứ, nhà ngoại giao là lãnh đạo, quản lý trong lực lượng vũ trang, lực lượng ngoại giao còn là một trong những lực lượng nòng cốt trên mặt trận đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh quốc gia, nền tảng tư tưởng của Đảng, thông tin đối ngoại, đóng góp trực tiếp vào nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên trường quốc tế, trên thực địa cũng như trên không gian mạng.

Đáp ứng yêu cầu giai đoạn mới, đội ngũ trí thức trong lực lượng vũ trang cần tiên phong trong đổi mới sáng tạo, phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ, đặc biệt là trên những lĩnh vực chuyên sâu, mũi nhọn giúp cho các lực lượng vũ trang mau chóng tiến lên chính quy, hiện đại. Đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân đang cùng với lĩnh vực văn hóa phát huy rộng khắp sức mạnh mềm quốc gia-dân tộc trong quá trình triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện theo đúng tư tưởng Hồ Chí Minh “đi bất biến, ứng vạn biến” và triết lý “ngoại giao cây tre Việt Nam” trong thời đại ngày nay.

3. Một số định hướng giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường phát huy vai trò của đội ngũ trí thức là lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược trong thời kỳ mới

Một là, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII, các cấp ủy đảng, chính quyền cần đổi mới tư duy, nhận thức sâu sắc hơn về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của đội ngũ trí thức trong thời kỳ mới của cách mạng Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045, trong đó



Các đại biểu tham dự Diễn đàn "Tri thức trẻ Việt Nam toàn cầu" lần thứ 5, năm 2022 do Trung ương Đoàn tổ chức với sự tham gia của 180 đại biểu trí thức trẻ đến từ 22 quốc gia _ Ảnh: TL

tập trung vào một số lĩnh vực trọng yếu, then chốt, đó là:

- Đội ngũ trí thức nói chung, nhất là đội ngũ trí thức đang đảm trách vị trí lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược là lực lượng trực tiếp nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để cung cấp luận cứ, cơ sở khoa học cho việc xây dựng, hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, góp phần làm sáng tỏ con đường phát triển của đất nước và giải đáp những vấn đề mới

phát sinh trong sự nghiệp đổi mới; góp phần tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục và động viên quần chúng nhân dân thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Đội ngũ trí thức nói chung, trí thức là lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược nói riêng là lực lượng trực tiếp chỉ đạo và tổ chức triển khai đưa tri thức khoa học vào thực tiễn, biến tri thức

thành lực lượng sản xuất trực tiếp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, khoa học và công nghệ; giáo dục và đào tạo; văn hoá, y tế, góp phần nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài; xây dựng hệ thống lý luận về văn hóa và phát triển văn hóa dân tộc, sáng tạo những công trình có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật; từng bước nâng cao trình độ khoa học và công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo của đất nước, vươn lên tiếp cận với trình độ của khu vực và thế giới, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Đội ngũ trí thức nói chung, trước hết trí thức là lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược đóng vai trò nòng cốt trong xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; đóng góp quan trọng trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững chắc, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

Hai là, Đảng, Nhà nước cần tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách mang tính đồng bộ, toàn diện, vừa có tầm nhìn

chiến lược, vừa có tính cấp bách trong từng giai đoạn cách mạng, nhằm tạo ra môi trường thể chế, môi trường sáng tạo học thuật đủ sức khai mở, khuyến khích, trọng dụng và bảo vệ trí thức. Nghị quyết Đại hội XIII nêu rõ: “Có cơ chế phát huy dân chủ, tự do sáng tạo và đề cao đạo đức, trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học. Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng, môi trường làm việc, nghiên cứu, đổi mới, sáng tạo của trí thức. Trọng dụng, đãi ngộ thỏa đáng đối với nhân tài, các nhà khoa học và công nghệ Việt Nam có trình độ chuyên môn cao ở trong nước và nước ngoài. Thật sự tôn trọng, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, phản biện của chuyên gia, đội ngũ trí thức”¹. Theo tinh thần đó, cần sớm cụ thể hóa thành các nhóm giải pháp sau:

- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức; sớm ban hành Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ trí thức đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045 và Chiến lược thu hút, trọng dụng nhân tài trong thời kỳ mới; góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực,

làm việc trong môi trường quốc tế, ngang tầm nhiệm vụ.

- Đẩy nhanh việc cụ thể hóa, thể chế hóa các nghị quyết của Đảng, tạo môi trường làm việc thực sự phát huy dân chủ, tự do sáng tạo, lao động trí óc, công bằng trong nghiên cứu, triển khai ứng dụng khoa học; tiếp tục tạo hành lang pháp lý thuận lợi để khuyến khích, sử dụng, trọng dụng và tôn vinh trí thức, nhất là trong các hoạt động tư vấn, phản biện và giám sát xã hội đối với các chủ trương, chính sách, các vấn đề “quốc kế dân sinh”, những dự án phát triển kinh tế - xã hội quan trọng của đất nước. Đẩy mạnh huy động và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam trong nước và ở nước ngoài.

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động, tập hợp sức mạnh và trí tuệ của đội ngũ trí thức Việt Nam trong và ngoài nước, tăng cường phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong tình hình mới. Nâng cao trách nhiệm và đóng góp, coi trọng vai trò tư vấn, phản biện, giám định xã hội của đội ngũ trí thức, kiện toàn hệ thống tổ chức và vai trò tập hợp, đại diện của các liên hiệp hội, hội trí thức

đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong thời kỳ mới.

- Chú trọng nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, các liên hiệp hội, hội nghề nghiệp về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của đội ngũ trí thức trong phát triển nhanh và bền vững, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế của đất nước.

Ba là, phát huy truyền thống yêu nước, thương nòi và khát vọng dân tộc trường tồn, phồn vinh, hạnh phúc, tự thân đội ngũ trí thức Việt Nam cần tự giác ngộ cách mạng, tự rèn luyện, bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ lý luận và kiến thức chuyên môn, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, không để các thế lực thù địch lôi kéo sa vào “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, đóng góp xứng tầm vào mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Kế tục truyền thống trí thức dân tộc suốt 92 năm theo Đảng, đội ngũ trí thức Việt Nam càng phải thể hiện tâm tư duy mới, là lực lượng xã hội cổ vũ cho công cuộc đổi mới

manh mẽ hơn, đồng bộ và toàn diện hơn, sớm hiện thực hóa khát vọng xây dựng và phát triển đất nước hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI. Trí thức Việt Nam phải là những người tiên phong lĩnh hội, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại và vận dụng một cách phù hợp vào điều kiện đất nước.

Nhìn lại lịch sử thế giới và dân tộc, trong mọi thời thời đại, trí thức luôn là lực lượng tinh hoa xã hội, là nhịp cầu nối giữa quá khứ với hiện tại và tương lai, mở hướng phát triển tới văn minh cho nhân loại và mỗi quốc gia-dân tộc. Thời nào, quốc gia nào biết trọng dụng trí thức thì thời đó, quốc gia đó đạt đỉnh cao hưng thịnh. Trí thức Việt Nam ngoài đặc điểm phổ quát, còn có những giá trị đặc trưng - đó là lòng yêu nước, thương nòi, ý chí tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc, khát vọng dẫn thân cống hiến vì quốc gia

hùng cường, phồn vinh, hạnh phúc..., chính vì thế, dân tộc Việt Nam đã có được vũ khí tinh thần và sức mạnh trí tuệ vượt qua bao phong ba, bão táp lịch sử. Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luôn đặt đội ngũ trí thức trong mối liên minh nền tảng công-nông-trí, tư tưởng Hồ Chí Minh và hệ thống quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức đã trở thành nghệ thuật trọng dụng hiền tài trong thời hiện đại, trong đó có đội ngũ trí thức là lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược. Do vậy, đội ngũ trí thức là lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược thời nay cần luôn tự rèn luyện trau dồi, tiếp tục phát huy truyền thống lịch sử, đóng góp xứng đáng trí tuệ, tâm huyết, dẫn thân cống hiến cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu đẹp, phồn vinh, hạnh phúc ■

¹ ĐCSVN: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.167.

SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG VỀ ĐẶC TRƯNG CỦA XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM VÀ YÊU CẦU BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN HIỆN NAY

● PGS, TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC

Năm 1921, khi hoạt động cách mạng ở nước Pháp, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã nêu vấn đề: *Chế độ cộng sản có áp dụng được ở Châu Á nói chung và ở Đông Dương nói riêng không?* Và Người đã nêu rõ quan điểm: “xét những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập vào châu Á dễ dàng hơn là ở châu Âu”¹.

Đó là nhận thức về tính tất yếu của con đường đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa trong đó có Việt Nam vẫn bị người phương Tây coi là lạc hậu. Nguyễn Ái Quốc thấy rõ sự cần thiết phải giải phóng dân tộc, giành độc lập và giải phóng giai cấp, xã hội, con người khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, bất công. Cả hai công cuộc giải

phóng vĩ đại đó chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản.

Sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản theo quan niệm của Nguyễn Ái Quốc không chỉ là đấu tranh giải phóng, sự xóa bỏ chế độ cũ mà điều chủ yếu là tạo dựng xã hội mới như thế nào, nhận thức mô hình của xã hội xã hội chủ nghĩa với những nội dung căn bản và chủ yếu. Quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa là quá trình cải biến cách mạng sâu sắc và triệt để, không ngừng phát triển nhận thức về chủ nghĩa xã hội. Năm 1915, V.I.Lênin trong tác phẩm *Bàn về khẩu hiệu Liên bang Châu Âu* đã nhấn mạnh: “Người ta không thể coi cách mạng xã hội chủ nghĩa là một công cuộc làm một lần thì xong, mà phải coi đó là một thời đại”².

Thời đại đó là quá trình biến đổi cách mạng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội khởi đầu bằng Đảng của giai cấp vô sản và nhân dân lao động giành lấy chính quyền, và ở một nước thuộc địa phải giành được độc lập dân tộc xây dựng Nhà nước tiêu biểu cho lợi ích quốc gia dân tộc, quyền

làm chủ nhân dân.

Nhận thức căn bản của độc lập và chủ nghĩa xã hội phải là quyền lợi của nhân dân, hạnh phúc của nhân dân mà Nguyễn Ái Quốc đặt ra ngay từ đầu. Đó phải là đặc trưng hàng đầu của

xã hội xã hội chủ nghĩa. “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”³.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (2-1930) đã nêu rõ mục tiêu và con đường cách mạng Việt Nam “Làm cho nước

Nam được hoàn toàn độc lập”, “để đi tới xã hội cộng sản”⁴. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 do Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh lãnh đạo thành công, giành được độc lập dân tộc, xây dựng Nhà nước cách mạng kiểu mới của nhân dân. Chế độ dân chủ nhân dân là cơ sở

và tiền đề rất quan trọng

để tiến lên chủ nghĩa xã

Quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa là quá trình cải biến cách mạng sâu sắc và triệt để, không ngừng phát triển nhận thức về chủ nghĩa xã hội.

hội. Nhưng thực dân

Pháp quay lại xâm lược,

cách mạng Việt Nam vẫn

phải tiếp tục sự nghiệp

giải phóng dân tộc để có

độc lập, thống nhất hoàn

toàn. Vì vậy, cách mạng

xã hội chủ nghĩa chưa

được đặt ra trực tiếp. Mặc dù vậy, chế

độ dân chủ nhân dân đã chú trọng tạo

dựng những mầm mống của chủ nghĩa

xã hội. Độc lập dân tộc phải hướng tới

tự do, hạnh phúc của nhân dân, xây

dựng chính quyền nhà nước thật sự

của dân, do dân, vì dân, bảo đảm

quyền sống cả về vật chất, văn hóa, tinh

thần, học hành của người dân, cán bộ

là công bộc của dân. Hồ Chí Minh nêu

rõ vai trò của kinh tế hợp tác xã nông

nghiệp trong xây dựng nước nhà. Bản

chất của chủ nghĩa xã hội đã định hình

từ những chủ trương, chính sách quan trọng đó.

Trong chuyến thăm chính thức với 99 ngày trên đất nước Pháp, ngày 12-7-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trả lời các nhà báo. Trả lời câu hỏi về *xu hướng cộng sản* ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định Người nghiên cứu Các Mác và cho rằng: “Muốn cho chủ nghĩa cộng sản thực hiện được, cần phải có kỹ nghệ, nông nghiệp và tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình”⁵. Đó là những điều kiện cần thiết để tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và cũng là động lực, mục tiêu và đặc trưng của chế độ xã hội chủ nghĩa cần xây dựng, nhất là từ một nước nông nghiệp lạc hậu, điểm xuất phát ở trình độ thấp.

Năm 1954, miền Bắc Việt Nam được hoàn toàn giải phóng. Cách mạng xã hội chủ nghĩa được đặt ra trực tiếp với những nhiệm vụ mới mẻ. Đảng và Hồ Chí Minh đặt ra yêu cầu, phải nghiên cứu sâu sắc nguyên lý chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội để vận dụng phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Học tập kinh nghiệm của Liên Xô và các nước nhưng cần có cách làm riêng, bước đi thích hợp. Chú

trọng tổng kết đặc điểm, hoàn cảnh Việt Nam để tìm ra quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Lần đầu tiên (1956), Hồ Chí Minh nêu ra quan niệm chủ nghĩa xã hội như một đặc trưng căn bản: “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu nước mạnh”⁶. Vì dân, vì đất nước vẫn là mục tiêu hàng đầu của chủ nghĩa xã hội. Trong nhiều bài viết và nói chuyện, Hồ Chí Minh đặc biệt lưu tâm và nhận thức rõ ràng, chủ nghĩa xã hội phải làm cho mọi người dân ấm no, sung sướng, được học hành, có nhà ở tử tế, ốm đau được chữa bệnh, trẻ em được nuôi dạy, người già được chăm sóc. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh:

“Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thoả mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Trong xã hội có giai cấp bóc lột thống trị, chỉ có lợi ích cá nhân của một số rất ít người thuộc giai cấp thống trị là được thoả mãn, còn lợi ích cá nhân của quần chúng lao động thì bị giày xéo”⁷.

Những luận điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và quá độ

lên chủ nghĩa xã hội, là cơ sở rất quan trọng để Đảng nhận thức và lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) đề ra đường lối hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và xác định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đã tỏ rõ sức mạnh và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, góp phần quyết định thắng lợi của cuộc chống Mỹ cứu nước hoàn thành độc lập, thống nhất Tổ quốc. Sau toàn thắng 30-4-1975, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội IV của Đảng (12-1976) đề ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của cả nước. Chế độ xã hội chủ nghĩa đã phải vượt qua nhiều thách thức mới, kể cả cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây - Nam và biên giới phía Bắc, thực hiện nghĩa vụ quốc tế với Campuchia, vững vàng phát triển. Nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua đường lối của Đại hội III và Đại hội IV và thực tiễn cách mạng đã định hình những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa trước đổi mới:

- Xây dựng và hoàn thiện chế độ chính trị *chuyên chính vô sản* với sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, vai trò quản lý, tổ chức của Nhà nước và thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân lao động (có lúc gọi là quyền làm chủ tập thể). Vận hành cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

- Nền kinh tế được xây dựng và phát triển dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới hai hình thức sở hữu toàn dân (nhà nước) và sở hữu tập thể, hai thành phần kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể; Nhà nước quản lý nền kinh tế tập trung thống nhất thông qua công cụ kế hoạch hóa và quyết định hành chính; thực hiện chế độ phân phối theo lao động và bao cấp trong sản xuất và phân phối sản phẩm; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, cách mạng khoa học - kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

- Có nền văn hóa và con người xã hội chủ nghĩa trên cơ sở tiến hành cách mạng về tư tưởng, văn hóa. Nền văn hóa

mới mang bản chất xã hội chủ nghĩa và kế thừa, phát triển văn hóa truyền thống của dân tộc. Con người xã hội chủ nghĩa là con người có tinh thần, ý thức tập thể, có kiến thức và năng lực, có trách nhiệm với cộng đồng, yêu nước và nêu cao lý tưởng xã hội chủ nghĩa, có tinh thần kỷ luật tự giác, ý thức tổ chức và lối sống lành mạnh, văn minh, chống chủ nghĩa cá nhân.

- Cơ cấu xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam bao gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa. Đó là nòng cốt của khối đại đoàn kết toàn dân tộc phấn đấu cho mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Các lực lượng xã hội đó tạo nên động lực to lớn của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo đảm sự vững chắc của chế độ chính trị và sự phát triển của nền kinh tế, bảo đảm sự đồng thuận xã hội. Chăm lo lợi ích và cuộc sống về mọi mặt của toàn dân. Các chính sách xã hội vì cuộc sống của nhân dân.

- Tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh quốc gia, an ninh chính trị, trật

tự, an toàn xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân. Giải quyết đúng đắn quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trung thành và nêu cao chủ nghĩa quốc tế vô sản và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, tăng cường đoàn kết và góp phần tích cực vào phong trào cách mạng thế giới, đoàn kết trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và củng cố hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Kết hợp chủ nghĩa dân tộc chân chính với chủ nghĩa quốc tế cao cả.

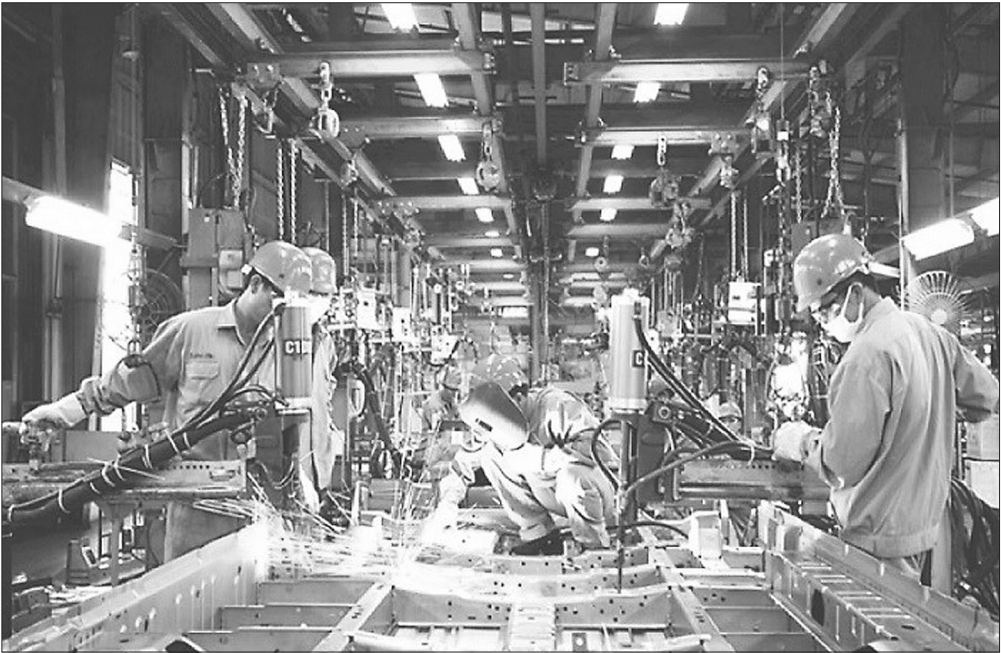
Những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa thời kỳ 1954-1986 trình bày trên đây có nhiều nội dung được hiện thực hóa trong quá trình tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, tỏ rõ bản chất, sức mạnh của chế độ mới, có vai trò quyết định thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống xâm lược, thống nhất đất nước và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội đã bộc lộ những hạn chế, khuyết điểm, yếu kém bắt nguồn từ căn bệnh chủ quan, duy ý chí, nóng vội không phù hợp với thực tiễn đất nước,

chưa nhận thức và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của thời kỳ quá độ, dẫn tới đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội từ năm 1979.

Không quá khó để nhận thấy những yếu kém, khuyết điểm chủ yếu trên lĩnh vực cơ chế và chính sách kinh tế. Đã tuyệt đối hóa vai trò của chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và kinh tế quốc doanh, tập thể, không chấp nhận sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và sự tồn tại của kinh tế tư nhân. Để cao kế hoạch hóa và sự quản lý tập trung, hành chính của Nhà nước, không coi trọng kinh tế thị trường để thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển. Chế độ phân phối bao cấp, bình quân, chưa coi trọng lợi ích của người lao động đã không tạo ra động lực cho sự phát triển. Từ cuối những năm 70, đầu thập niên 80, Đảng đã nhận rõ những sai lầm, khuyết điểm đó. Yêu cầu khách quan đặt ra, phải nhận thức lại chủ nghĩa xã hội, đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế. Phải thay đổi nhận thức và chính sách, đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý, thực hiện chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần; xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, hành chính, bao

cấp, chuyển sang hạch toán kinh tế, kết hợp kế hoạch với thị trường, thúc đẩy sản xuất hàng hóa và thị trường trong nước, bảo đảm lợi ích và nâng cao đời sống nhân dân, thu hút sự đầu tư của nước ngoài. Đó là vấn đề cốt lõi trong đường lối đổi mới được quyết định tại Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986). Đại hội VI đã tổng kết những bài học cần thiết trong đó nhấn mạnh: “*Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan*”. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng”⁸.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đại hội VI, từ nửa cuối thập niên 80, kinh tế khởi sắc và phát triển nhất là từ 1989, chính trị, xã hội ổn định vượt qua thách thức lớn do sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu. Năm 1989, Đảng đề ra các nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới, trong đó khẳng định, đổi mới không phải xa rời con đường xã hội chủ nghĩa mà là thực hiện tốt hơn mục tiêu chủ nghĩa xã hội, bằng nhận thức mới và những hình thức, bước đi và giải pháp thích hợp. Cần phải kiên



Việt Nam kiên định phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa _ Ảnh: TL

định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng sáng tạo vào thực tiễn đất nước và từ những thành công và thất bại của mô hình chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Xuất phát từ yêu cầu phát triển đất nước đúng con đường xã hội chủ nghĩa, từ ý chí độc lập, tự cường, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa VI (1986-1991) thấy rõ sự cần thiết phải soạn thảo Cương lĩnh mới về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ban soạn thảo Cương lĩnh do Tổng Bí

thư Nguyễn Văn Linh đứng đầu. Yêu cầu của Cương lĩnh phải hướng tới nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa xã hội và quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong tình hình mới. Phải nghiên cứu sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng sáng tạo, không ngừng đổi mới tư duy lý luận và xuất phát từ thực tế Việt Nam, khắc phục bệnh chủ quan, duy ý chí, giáo điều, nắm vững quy luật khách quan. Trong khi mô hình chủ nghĩa xã hội tan rã ở Liên Xô và các nước Đông

Âu, thì Việt Nam xây dựng Cương lĩnh, xác định rõ những đặc trưng của mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam. Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam (6-1991) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.*

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:

“- Do nhân dân lao động làm chủ.

- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác

với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Để thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa, điều quan trọng nhất là phải cải biến căn bản tình trạng kinh tế - xã hội kém phát triển, chiến thắng những lực lượng cản trở việc thực hiện mục tiêu đó, trước hết là các thế lực thù địch chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”⁹.

Năm 1989, Đảng đề ra các nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới... Cần phải kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng sáng tạo vào thực tiễn đất nước và từ những thành công và thất bại của mô hình chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Cương lĩnh nhấn mạnh xây dựng nhà nước vững mạnh do Đảng Cộng sản lãnh đạo; phát triển nền kinh tế hàng

hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch và các công cụ khác, phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp tới cao; tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa làm cho thế giới quan Mác-

Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội; có chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người; đại đoàn kết dân tộc; kết hợp chặt chẽ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa, phương hướng phát triển đề ra trong Cương lĩnh được cụ thể hóa, thể chế hóa thành chính sách, pháp luật trong quá trình đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Thực tiễn đó khẳng định con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn từ năm 1930 khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, là hoàn toàn đúng đắn. Thành quả xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ đổi mới đã góp phần phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn. Sáng rõ hơn về mô hình, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, về hình thức, bước đi và giải pháp

chủ yếu; về những quy luật, đặc trưng của thời kỳ quá độ và khả năng, nội dung bỏ qua chủ nghĩa tư bản, những gì loài người đã đạt được dưới chủ nghĩa tư bản mà chủ nghĩa xã hội có thể kế thừa.

Sự phát triển của đất nước trên con đường xã hội chủ nghĩa và những biến đổi nhanh chóng của thế giới hiện nay, có cả cơ hội và nguy cơ. Thực tế đó đòi hỏi Đảng tăng cường nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, tiếp tục bổ sung, phát triển nhận thức về chủ nghĩa xã hội, trong đó có nhận thức về những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Đại hội Đảng lần thứ XI (1-2011) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011). Cương lĩnh là bước phát triển quan trọng về nhận thức lý luận và có ý nghĩa lớn trong chỉ đạo thực tiễn về những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, Cương lĩnh bổ sung mới 2 đặc trưng số 1 và số 7 với sự khái quát cao và phản ánh yêu cầu thực tiễn. Sáu đặc trưng của Cương lĩnh 1991 đều được bổ sung những nội dung mới. Cương lĩnh nêu rõ 8 đặc trưng:

“Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”¹⁰.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển mạnh mẽ đòi hỏi phải không ngừng tổng kết thực tiễn làm sáng tỏ những vấn đề lý luận. Năm 2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có sự tổng kết rất quan trọng trong tác phẩm *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Tác phẩm đã làm sâu sắc hơn những đặc trưng và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tổng Bí thư nêu rõ:

“Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé”, vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm. Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường. Và, chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có. Phải chăng những mong ước tốt đẹp đó chính là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội và cũng chính là mục tiêu, là con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta

và nhân dân ta đã lựa chọn và đang kiên định, kiên trì theo đuổi”¹¹.

Những chỉ dẫn quan trọng của Tổng Bí thư cũng là những yêu cầu cần bổ sung, phát triển trong điều kiện hiện nay cả trong nước và thế giới để đưa Việt Nam vững bước trên con đường xã hội chủ nghĩa như Đại hội XIII đã xác định đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và

đến năm 2045 trở thành nước phát triển thu nhập cao. Cần thiết phải xác định *xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, độc lập, tự cường, phồn vinh, hạnh phúc*. Có nền kinh tế phát triển cao, *độc lập tự chủ*. Hoàn thiện *hệ thống các chính sách xã hội vì con người*, an ninh, an toàn xã hội. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại vì *khát vọng hòa bình*, bản chất của chủ nghĩa xã hội là hòa bình ■

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.47.

² Lênin: *Toàn tập*, t.26, Nxb Tiến bộ, Matxcova, 1980, tr.444.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.292.

⁴ ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.2, Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.2.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.315.

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.390.

⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.610.

⁸ ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.47, Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.363.

⁹ ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.51, Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.134.

¹⁰ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.70.

¹¹ Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.21-22.



PHÁT HUY VÀ TẬN DỤNG NGUỒN LỰC TRÍ THỨC Ở VIỆT NAM TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

● **Trung tướng, PGS, TS TRẦN VI DÂN**

Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương

Cục trưởng Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an, Bộ Công an

1. Đánh giá chung về đội ngũ trí thức Việt Nam và những đóng góp của trí thức với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Lịch sử phát triển của xã hội loài người gắn liền với hoạt động của các trí thức, đây là thực tiễn đã được kiểm nghiệm từ “cổ đến kim”, từ “Đông sang Tây”. Quốc gia nào hình thành, phát triển được đội ngũ trí thức ngang tầm nhiệm vụ sẽ có nhiều cơ hội phát triển, bước nhảy vọt giành nhiều lợi thế trong đời sống quốc tế. Những quốc gia không hình thành, phát triển được đội ngũ trí thức thường sẽ nằm ở nhóm nước kém, chậm phát triển. Xét ở phạm vi rộng hơn, những bước phát

triển vượt bậc của xã hội loài người đều gắn với sự xuất hiện của các trí thức lớn có tư duy, tầm nhìn vượt trội.

Trí thức là gì? Theo quan niệm của các nhà kinh điển Mác - Lênin, trí thức không phải là giai cấp, mà là “tầng lớp đặc biệt” trong xã hội. Trong mỗi một thể chế chính trị, trí thức thường được nhà nước của giai cấp thống trị giáo dục, đào tạo và sử dụng nhằm phục vụ cho lợi ích của giai cấp thống trị.

Nếu không quá chú trọng đến tính hàn lâm của thuật ngữ có thể hiểu trí thức là những người có trình độ học vấn chuyên môn cao, có khả năng sáng tạo tri thức khoa học mới, đồng thời truyền bá và ứng dụng tri thức này vào

thực tiễn, góp phần to lớn vào sự phát triển và trình độ văn minh của nhân loại. Thông qua lao động trí óc, đội ngũ trí thức tạo ra các sản phẩm lý luận khoa học, các sáng kiến, giải pháp khoa học kỹ thuật, công nghệ làm cơ sở để nâng cao chất lượng hiệu quả công việc, các hoạt động thực tiễn. Sản phẩm lao động của đội ngũ trí thức rất đặc biệt, có tính sáng tạo, ảnh hưởng tới nhiều phương diện đời sống xã hội, là động lực không thể thiếu cho sự phát triển của từng quốc gia, dân tộc và toàn nhân loại. Tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” xác định: “*Trí thức là người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu trí thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội*”¹.

Đối với Việt Nam, xuyên suốt chiều dài lịch sử, đội ngũ trí thức luôn được coi là *hiền tài, nguyên khí* quốc gia. Vận trình thăng trầm của quốc gia gắn liền với “hiền tài”, với đội ngũ trí thức. Các

bậc trí thức tên tuổi như: Nhà giáo Chu Văn An, Nhà chính trị - nhà nho Nguyễn Trãi, Trạng nguyên - danh nhân văn hóa Nguyễn Bình Khiêm, Nhà quân sự Đào Duy Từ, Nhà y học lỗi lạc Lê Hữu Trác, Nhà bác học Lê Quý Đôn... đã góp phần quan trọng tạo nên đất nước Việt Nam nghìn năm văn hiến, không chịu khuất phục trước các thế lực ngoại bang. Chủ tịch Hồ Chí Minh, một trí thức tiêu biểu nhất trong lịch sử trí thức Việt Nam, với tầm vóc “*đại nhân, đại trí, đại dũng*” trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam luôn nhận rõ vị trí, vai trò của đội ngũ trí thức và trọng trí thức. Người đã nhấn mạnh: “Trí thức là *vốn liếng* quý báu của dân tộc. Ở nước khác như thế, ở Việt Nam càng như thế”. Theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các trí thức Việt kiều yêu nước như: Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, GS Lê Văn Thiêm, GS Nguyễn Văn Huyền, GS Tạ Quang Bửu, Trần Đại Nghĩa... đã từ bỏ môi trường thuận lợi cho đời sống, hoạt động cá nhân ở nước ngoài, trở về Tổ quốc tích cực cùng với các trí thức trong nước tham gia kháng chiến, kiến quốc, góp phần xứng đáng vào thành công của cách mạng dân tộc dân chủ

nhân dân. Sau khi thống nhất đất nước năm 1975, đặc biệt là trong giai đoạn đổi mới, đội ngũ trí thức Việt Nam tiếp tục có những cống hiến, đóng góp vào sự thành công của công cuộc đổi mới, mở cửa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, để Việt Nam ngày càng có vị thế, uy tín cao trên trường quốc tế, tạo tiền đề cho quốc gia, dân tộc hướng tới tương lai với những thành công rực rỡ hơn.

Để có được đội ngũ trí thức với những đóng góp rất đáng ghi nhận như nêu trên trong sự nghiệp đổi mới là do Đảng ta luôn quan tâm lãnh đạo xây dựng, phát huy và tận dụng nguồn lực trí thức. Theo đó trong các kỳ đại hội, Đảng ta đều nhấn mạnh đến vấn đề xây dựng, sử dụng đội ngũ trí thức, cụ thể:

Đặc biệt là trong giai đoạn đổi mới, đội ngũ trí thức Việt Nam tiếp tục có những cống hiến, đóng góp vào sự thành công của công cuộc đổi mới, mở cửa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại...

Đại hội VI: “*Lực lượng khoa học và kỹ thuật cần được tổ chức lại, bố trí và sử dụng có hiệu quả. Có cơ chế, chính sách và biện pháp đúng đắn nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ khoa học, cán bộ kỹ thuật phát huy lao động sáng tạo, hướng về cơ sở sản xuất, về các địa bàn kinh tế đang cần có sự có mặt của họ. Đảng và Nhà nước cố gắng tạo những điều kiện thuận lợi để những người làm công tác khoa học, kỹ thuật hoạt động có kết quả, và đòi hỏi mọi người phải có cống hiến cho đất nước bằng những sáng chế, bằng kết quả đưa nhanh tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất, bằng việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội”*.”

Đại hội VII: “*Mục tiêu giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, hình thành đội ngũ lao động có tri thức và có tay nghề, có năng lực thực hành, tự chủ, năng động và sáng tạo, có đạo đức cách mạng, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội”*.”

Đại hội VIII: “Khơi dậy trong nhân dân lòng yêu nước, ý chí quật cường, phát huy tài trí của người Việt Nam, quyết tâm đưa nước nhà ra khỏi nghèo nàn và lạc hậu bằng khoa học và công nghệ”; “Xây dựng đội ngũ trí thức đồng bộ về các lĩnh vực khoa học và công nghệ, văn hóa văn nghệ, quản lý kinh tế, quản lý xã hội”.

Đại hội IX: “Có chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với nhà khoa học có công trình nghiên cứu xuất sắc; khuyến khích cán bộ khoa học, kỹ thuật công tác tại các vùng khó khăn, vùng nông thôn; động viên các nhà khoa học bám sát cơ sở sản xuất, hướng dẫn nhân dân nắm bắt và làm chủ những tri thức mới về khoa học và công nghệ”.

Đại hội X: “Trọng dụng nhân tài, các nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng, kỹ thuật viên lành nghề và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao. Có chính sách thu hút các nhà khoa học, công nghệ giỏi ở trong nước và ngoài nước, trong cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài”.

Đại hội XI: “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi; đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ, văn hóa đầu đàn;

đội ngũ doanh nhân và lao động lành nghề”; “Thực hiện đồng bộ chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng nhân tài khoa học, công nghệ”; “Phát huy và sử dụng có hiệu quả nhất nguồn tri thức của con người Việt Nam và khai thác nhiều nhất tri thức của nhân loại. Xây dựng và triển khai lộ trình phát triển kinh tế tri thức đến năm 2020”.

Đại hội XII: “Xây dựng và thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là các chuyên gia giỏi, có nhiều đóng góp. Tạo môi trường thuận lợi, điều kiện vật chất để cán bộ khoa học và công nghệ phát triển bằng tài năng và hưởng lợi ích xứng đáng với giá trị lao động sáng tạo của mình”.

Đại hội XIII: “Tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, thực hiện tốt các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là chuyên gia đầu ngành, nhân tài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ”.

Quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng về trí thức Việt Nam, Nhà nước ta đã kịp thời ban hành chính sách, pháp luật tạo cơ sở pháp lý thực tiễn

phát huy vai trò, tận dụng nguồn lực trí thức phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong đó, đáng chú ý đã hình thành các quy định đãi ngộ tương xứng với hoạt động ở mức cao hơn so với mặt bằng chung của xã hội về vật chất, tạo điều kiện về vật lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận của trí thức, cùng với đó là sự tôn vinh với những đóng góp của trí thức trong thực tiễn đổi mới của đất nước. Luật Thi đua Khen thưởng năm 2022 đã quy phạm hóa những nội dung này. Dưới phương diện xã hội, ngày 18/5 hằng năm được xác định là ngày Khoa học Công nghệ Việt Nam - ngày tôn vinh trí thức. Trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các ban, bộ, ngành Trung ương, cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp đã có bước cụ thể hóa và hình thành chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức đạt được những kết quả rất quan trọng, gắn với từng lĩnh vực, địa bàn. Có thể khẳng định sự chăm lo của Đảng, Nhà nước, sự quan tâm của xã hội đã mang tính tạo động lực to lớn, để đội ngũ trí thức Việt Nam không ngừng đổi mới,

sáng tạo trong lĩnh vực lao động trí tuệ, bằng cống hiến khoa học cung cấp những luận cứ khoa học, lý luận phục vụ việc hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những phát minh, sáng chế, giải pháp khoa học tạo ra của cải, vật chất cho xã hội. Để đất nước ta đạt được những thành tựu to lớn như ngày hôm nay, đội ngũ trí thức Việt Nam có quyền tự hào vì những đóng góp của mình. Cội nguồn của thành công trong lao động của đội ngũ trí thức đó là sự chăm lo của Đảng, Nhà nước và các tầng lớp nhân dân trên khắp mọi miền Tổ quốc, cùng sự cố gắng, nỗ lực, khát khao cống hiến của đội ngũ trí thức.

2. Những vấn đề đặt ra

Tuy nhiên, nhìn nhận, đánh giá khách quan, đội ngũ trí thức Việt Nam nói chung chưa tương xứng và ngang tầm nhiệm vụ với đòi hỏi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Những vướng mắc trong quá trình hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, sự tụt hậu về kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn nhiều thách thức, trở ngại; những khó khăn trong bảo vệ nền tảng tư tưởng

của Đảng, kì vọng của nhân dân trong các lĩnh vực khác của đời sống xã hội còn bỏ ngỏ, thiết nghĩ đều có phần trách nhiệm của trí thức Việt Nam.

Nguyên nhân của thực trạng này có nhiều nhưng tựu chung đó là:

Thứ nhất, số lượng trí thức tăng nhanh nhưng chất lượng hạn chế, cơ cấu chưa phù hợp, thiếu hụt số trí thức giỏi, nhất là trong các lĩnh vực khoa học cơ bản; trí thức có năng lực vượt trội, có khả năng nghiên cứu, phản biện, đánh giá, dự báo chiến lược những vấn đề liên quan đến các lĩnh vực. Năng lực sáng tạo, thực hành, ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào các mặt công tác của một số trí thức chưa cao; trình độ ngoại ngữ, tin học còn hạn chế nên khó khăn trong giao lưu, tiếp nhận tri thức tiên tiến của nhân loại. Một bộ phận trí thức có ý thức học tập nâng cao trình độ nhưng chỉ để nhằm mục đích hưởng chế độ, chính sách chứ không vì mục đích cống hiến; tư tưởng an nhàn chi phối động lực cống hiến, động cơ phấn đấu, phát sinh tâm lý hưởng thụ, “tiêu dùng” thành quả đã đạt được. “Vô hình chung, họ mắc kẹt trong “bẫy trung bình”, “giậm chân tại chỗ” trong khi các

thành tựu tri thức ngày càng tiến bộ khiến họ tụt dốc so với chính họ”². Đặc biệt, còn có những trí thức bị suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm pháp luật, “trở cờ”...

Thứ hai, cấp ủy Đảng, lãnh đạo tại một số cơ quan, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của trí thức, dẫn đến chưa quan tâm, thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức. Có tình trạng đánh giá, sử dụng chưa đúng với năng lực, trình độ, làm hạn chế sự cống hiến của trí thức. Còn thiếu chính sách tạo động lực đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận. Có tình trạng buông lỏng quản lý, giáo dục về chính trị, tư tưởng với đội ngũ trí thức dẫn đến sự sa ngã về lập trường, quan điểm, các vi phạm pháp luật của một số ít trí thức.

Thứ ba, cơ chế, chính sách đối với trí thức chưa theo kịp tình hình. Chính sách thu hút nguồn nhân lực khoa học, công nghệ cao của một số lực lượng đặc thù chưa thật sự hấp dẫn; các chính sách tạo động lực chưa đủ mạnh, chưa đáp ứng tốt các yêu cầu cơ bản về điều kiện làm việc, nhà ở, phương tiện, trang bị phục vụ cho công tác chuyên môn của đội ngũ trí thức. Việc bố trí

kinh phí để thực hiện nhiệm vụ khoa học, chính sách phát triển đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ còn khó khăn, có lúc chưa đầy đủ, kịp thời.

Thứ tư, công tác phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức chưa theo kịp sự phát triển và đòi hỏi của tình hình. Việt Nam có rất nhiều học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi quốc tế, tuy nhiên những cá nhân ấy có thật sự trở thành nhân tài của đất nước hay không vẫn là câu hỏi còn đang bỏ ngỏ. Sự tràn lan, thiếu quy hoạch, chưa chú trọng đến chất lượng trong đào tạo các trình độ sau đại học, công nhận các chức danh khoa học, học hàm dẫn đến “vừa thừa, vừa thiếu”, đó là nhiều cơ quan, đơn vị nghiên cứu thừa các thạc sĩ, tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư nhưng thiếu những cá nhân thực chất xứng đáng với các học vị, học hàm này.

Thứ năm, lao động trí thức là lao động của tư duy, sáng tạo, tuy nhiên không thể thiếu nguồn thông tin và thực tiễn. Để các sản phẩm của lao động trí thức bảo đảm tính thống nhất giữa khoa học, lý luận và thực tiễn, cần có cơ chế để cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, tạo điều kiện cho trí thức cọ xát, tìm hiểu thực tiễn. Đáng tiếc,

đây là vấn đề chưa được giải quyết tốt dẫn tới tính tư biện trong nghiên cứu của trí thức Việt Nam còn cao, chưa kịp thời phát hiện được những vấn đề mà thực tiễn đòi hỏi để hình thành ý tưởng nghiên cứu, đi sau thực tiễn khá xa.

Thứ sáu, một vấn đề cũng hết sức đáng quan tâm, Việt Nam có cộng đồng kiều bào ở nước ngoài lên tới hơn 5,2 triệu người, trong đó có nhiều cá nhân đã đạt tới trình độ và uy tín của trí thức lớn ở tầm thế giới, khu vực trong nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, dường như cho đến nay chúng ta còn thiếu chính sách tạo động lực, thu hút sử dụng nguồn nhân lực này. Cho dù trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta bài học có giá trị sâu sắc về thu hút và tận dụng đội ngũ trí thức Việt kiều với sự nghiệp cách mạng.

3. Một số định hướng giải pháp

Phát huy và tận dụng nguồn lực trí thức Việt Nam đang trở nên cấp bách trước yêu cầu đổi mới sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Để đạt được kết quả, một số định hướng giải pháp sau đây xin được nêu ra để các chủ thể có trách nhiệm tham khảo. Theo đó, về tổng quan cần

có tổng kết và đánh giá kỹ về vấn đề này, chủ yếu làm rõ được những thành công và hạn chế cùng nguyên nhân trên cơ sở tổng kết, góp phần hoàn thiện thêm một bước chính sách, pháp luật và các quy định cụ thể liên quan tới phát huy, tận dụng nguồn lực trí thức. Một số điểm nhấn có ý nghĩa đó là:

(1) Thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức. (2) Xây dựng môi trường và điều kiện thuận lợi, tạo động lực tốt hơn cho hoạt động của trí thức. (3) Tạo chuyển biến căn bản trong phát hiện, đào tạo,

bồi dưỡng trí thức trong quá trình công tác, trong đó chú trọng đến hợp tác quốc tế về nội dung này. (4) Có giải pháp ứng dụng các kết quả nghiên cứu bảo đảm tính gắn kết với hoạt động thực tiễn. (5) Bảo vệ trí thức Việt Nam trước các tác động tiêu cực của xã hội, cuộc sống; giáo dục, khơi dậy niềm tự hào, tự tôn dân tộc và xác định trách nhiệm của trí thức Việt Nam với vận mệnh của đất nước. (6) Có đề án riêng về thu hút, tận dụng nguồn trí thức Việt Nam trong cộng đồng Kiều bào ta ở nước ngoài ■

¹ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

² Trần Vi Dân: *Bàn về "bầy trí thức trung bình" trong đội ngũ trí thức Công an nhân dân*, Tạp chí *Công an nhân dân*, số 4/2022.

Tài liệu tham khảo:

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
4. Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 4/5/2017 của Chính phủ về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
6. Ngô Thị Phương: *Đội ngũ trí thức khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2007.

NHẬN DIỆN NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI TRỌNG YẾU VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐỘT PHÁ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỪ NAY ĐẾN NĂM 2030 TẦM NHÌN 2045

● TS BÙI SỸ LỢI

Nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội

1. Thành tựu chính sách xã hội trong quá trình đổi mới ở Việt nam

Ngay khi giành được độc lập, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn nhất quán quan điểm Chính sách xã hội công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hòa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội.

Đặc biệt, từ khi thực hiện đường lối đổi mới đến nay, Đảng và Nhà nước ta

luôn quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách xã hội, coi đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực để ổn định chính trị - xã hội, phát triển bền vững. Tiếp tục phát triển quan điểm, chủ trương đó của Đảng, Nghị Quyết số 15-NQ/TW, ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, về “*Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020*” đã xác định: “Chính sách xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng, là mục tiêu, là động lực để phát triển nhanh và bền vững trong mọi giai đoạn phát triển”. Mục tiêu cơ bản của chính sách xã hội là bảo đảm ổn định xã hội, tạo điều kiện cho sự tăng trưởng và phát triển, hướng tới sự công bằng, tiến bộ

xã hội, không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và cuộc sống tốt đẹp, bình đẳng, hạnh phúc của nhân dân. Vì vậy, Nghị quyết TW 15 đã đặt ra yêu cầu: Chính sách xã hội phải được đặt ngang tầm với chính sách kinh tế và thực hiện đồng bộ với phát triển kinh tế, phù hợp với trình độ phát triển và khả năng nguồn lực trong từng thời kỳ...; coi bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Quyết tâm đổi mới của Đảng đã tạo điều kiện cho các chính sách xã hội phát triển trên cả 3 nội dung cơ bản: Nâng cao năng lực vốn con người (thông qua tăng cường phúc lợi toàn dân); cải thiện môi trường hoạt động của con người (thông qua phát triển các chính sách lao động, việc làm, y tế, giáo dục, phát triển doanh nghiệp, hạ tầng cơ sở...) và bảo đảm an sinh xã hội (thông qua các chính sách hỗ trợ người yếu thế tham gia thị trường lao động, tăng cường bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội và giảm nghèo)¹.

Nhìn lại 35 năm đổi mới, có thể nhận thấy, các vấn đề xã hội được Nhà nước cụ thể hóa và thể chế hóa từ

đường lối, quan điểm, định hướng của Đảng thông qua các công cụ chính sách xã hội toàn diện, hài hòa và quản lý rủi ro hiệu quả với hệ thống văn bản pháp lý ngày càng hoàn thiện. Mặc dù nguồn lực của đất nước còn hạn hẹp, nhưng Đảng và Nhà nước luôn coi trọng công tác bảo đảm an sinh xã hội, đặt nhiệm vụ phát triển dân sinh trong mối tương quan hài hòa và gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế, giữa đầu tư phát triển kinh tế với đầu tư bảo đảm phúc lợi xã hội và an sinh xã hội. Quan tâm đầu tư cho vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các huyện nghèo, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, xã bãi ngang ven biển, hải đảo, theo đó nhiều chính sách về an sinh xã hội được ban hành. Các chương trình xóa đói, giảm nghèo của Việt Nam ở tầm quốc gia đã thu được những kết quả rất tốt đẹp, đã được dư luận quốc tế thừa nhận và đánh giá cao, nhất là xóa đói, giảm nghèo cho nông dân ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Việt Nam trở thành điểm sáng trong thực hiện chính sách xã hội ở nhiều mục tiêu: đạt được hầu hết các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs), đặc biệt về giảm nghèo và

tích cực tham gia vào tiến trình thực hiện Phát triển bền vững (SDGs) bằng việc thông qua Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 với xếp hạng 54/162² nước và vùng lãnh thổ; chỉ số HDI là 0,63, Việt Nam xếp thứ 118 trong tổng số 189 nước³. Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam tăng 4,8 năm, số năm đi học trung bình tăng 4,3 năm, thu nhập bình quân đầu người tăng khoảng trên 354%, giúp Việt Nam nằm trong nhóm các nước có tốc độ tăng chỉ số HDI cao nhất trên thế giới.

2. Nhận diện một số vấn đề xã hội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045

2.1. Vấn đề lao động, việc làm

Việt Nam đang trong giai đoạn cơ cấu dân số vàng cho tới năm 2039 là điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển đất nước. Việt Nam có tỷ lệ tham gia LLLĐ cao và hầu hết mọi người lao động đều có việc làm, thất nghiệp thấp. Tuy vậy, chất lượng lao động và việc làm còn thấp. Tỷ lệ lao động có bằng cấp/chứng chỉ mới chiếm 26% LLLĐ; qui mô lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp và lao động có việc làm phi chính thức còn cao (chiếm hơn 2/3 tổng lao động

có việc làm), trong đó qui mô lao động tự sản tự tiêu có khoảng 3,5 triệu người. Mặt khác, mức tiền lương bình quân của người lao động cũng còn thấp. Chính sách việc làm công đã được ban hành từ năm 2016 để hỗ trợ người nghèo, người thất nghiệp và người có hoàn cảnh khó khăn khác nhưng đến nay vẫn chưa được triển khai thực hiện.

2.2. Vấn đề giảm nghèo

Việt Nam đã đạt được thành tựu đáng ghi nhận về giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo ở Việt Nam đến hết năm 2021 chỉ còn khoảng 2,25% theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020. Chuẩn nghèo mới định hướng giảm 1/2 số hộ nghèo và hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1,0 - 1,5%/năm. Tuy vậy, bằng việc thực hiện chuẩn nghèo mới, tiến bộ (với qui định mức thu nhập tiệm cận chuẩn mức sống tối thiểu) cho giai đoạn 2022-2025, tỷ lệ hộ nghèo ở Việt Nam dự tính sẽ tăng lên mức 9% và tỷ lệ hộ cận nghèo là khoảng 7%, chưa tính tác động của đại dịch Covid-19 có thể đẩy tỷ lệ hộ nghèo lên cao hơn.

Thực tế này cho thấy số hộ có thu nhập ở quanh mức sống tối thiểu là lớn và tính dễ bị tổn thương của các hộ gia đình này là cao, nhất là các hộ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nông thôn vùng sâu, vùng xa. Bất bình đẳng về thu nhập có xu hướng tăng ở những vùng kém phát triển và giữa các nhóm dân tộc (dân tộc thiểu số và dân tộc Kinh/ Hoa) đặc biệt là ở Tây Nguyên (hệ số GINI tăng từ 0,41 năm 2014 lên 0,45 năm 2018), đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số ở một số địa bàn còn rất khó khăn, nhiều vấn đề bức xúc của đồng bào chậm được phát hiện và giải quyết.

2.3. Vấn đề bảo hiểm xã hội

Pháp luật về BHXH (gồm cả BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện và bảo hiểm thất nghiệp) đã có nhiều tiến bộ, từng bước khẳng định BHXH là một trụ cột chính của hệ thống ASXH. Đến nay, số người tham gia BHXH đạt 16,6 triệu người. Tỷ lệ LLLĐ trong độ tuổi tham gia BHXH đạt 32,6% năm 2020.

Tuy vậy, phạm vi bao phủ của BHXH đến nay vẫn còn thấp; vấn đề tuân thủ chính sách đóng BHXH bắt buộc và tình trạng người lao động dửng dưng không tham gia BHXH bắt buộc

để hưởng BHXH một lần còn diễn ra phổ biến; BHXH tự nguyện thu hút được ít người tham gia (chủ yếu do chính sách chưa đủ hấp dẫn cả về chế độ hưởng và mức hỗ trợ tài chính của Nhà nước cho người đóng BHXH tự nguyện còn thấp), trong khi các rủi ro về lao động-việc làm, ốm đau, già hóa ngày càng đa dạng và có xu hướng tăng nhanh. Đa số lao động phi chính thức chưa tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm thất nghiệp. Hiện nay, số người hưởng chế độ hưu trí, trợ cấp BHXH hàng tháng và hưu trí xã hội là hơn 4,94 triệu người, chỉ chiếm 35% so với số người sau độ tuổi nghỉ hưu, trong đó: (1) số người hưởng lương hưu là 2,6 triệu người, (2) số người hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng là 0,64 triệu người, (3) số người hưởng trợ cấp hưu trí xã hội là hơn 1,7 triệu người.

2.4. Vấn đề trợ giúp xã hội cho người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

Các chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên và đột xuất trong thời gian qua, định kỳ được bổ sung, sửa đổi phù hợp với khả năng của nền kinh tế nên đã góp phần quan trọng vào trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã

hội ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng, không để ai bị bỏ lại phía sau. Đặc biệt, các chính sách hỗ trợ người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 vừa qua cho thấy sự phản ứng nhanh nhạy của Nhà nước.

Tuy vậy, phạm vi bao phủ của chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên vẫn còn hạn chế (3% dân số), nhiều người cao tuổi và một số người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khác (người mắc bệnh kinh niên, hiếm nghèo không có khả năng lao động...) chưa được thụ hưởng chính sách, phải sống phụ thuộc vào gia đình; mức chuẩn trợ cấp cũng còn rất thấp; trợ giúp đột xuất vẫn chưa thực sự hiệu quả ở một số địa phương, cơ sở, về tính kịp thời, độ bao phủ, bảo đảm sự công bằng, công khai minh bạch và vấn đề lạm dụng, trục lợi vẫn còn xảy ra. Đời sống của nhóm đối tượng yếu thế còn nhiều khó khăn do mức hỗ trợ thấp và một bộ phận cá nhân chưa được thụ hưởng chính sách của nhà nước như người cao tuổi dưới 80 không có lương hưu, con của các đối tượng bảo trợ xã hội; chính sách bảo hiểm thất nghiệp chưa bao phủ tới lao động trong khu vực không có quan hệ lao động.

2.5. Vấn đề về đảm bảo hệ thống dịch vụ xã hội cơ bản

Đối với y tế: công tác chăm sóc y tế, chăm sóc sức khỏe cho người dân đã đạt được nhiều tiến bộ, thể hiện ở kết quả thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân; phát triển y tế cơ sở (y tế xã, y tế thôn bản), y tế dự phòng và thành lập các phân hiệu của các bệnh viện chất lượng ra các vùng.

Tuy vậy, bảo hiểm y tế còn đơn điệu, chưa có các gói bảo hiểm y tế khác nhau và vấn đề quản lý, sử dụng, cân đối quỹ bảo hiểm y tế vẫn còn bất cập; chất lượng y tế cơ sở còn chưa đáp ứng yêu cầu chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân theo quan điểm y tế cơ sở là nền tảng; y tế dự phòng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, mục tiêu là phòng bệnh hơn chữa bệnh, đặc biệt là trong ứng phó với rủi ro dịch bệnh như đại dịch Covid-19 vừa qua. Mô hình phát triển bác sĩ gia đình chưa được quan tâm triển khai thực hiện theo tinh thần Nghị quyết 68 của Quốc hội khóa XII.

Đối với giáo dục: Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu về giáo dục, thể hiện ở kết quả về phổ cập mẫu giáo cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu

học, trung học cơ sở; gia tăng tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ.

Tuy vậy, cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục phổ thông ở vùng sâu, vùng xa còn hạn chế; chất lượng giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học chưa đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động trong xu hướng hội nhập, phát triển kinh tế số, xã hội số; một số người nghèo, người yếu thế do năng lực tài chính hạn chế nên khó tiếp cận giáo dục và đào tạo chất lượng cao. Nguồn nhân lực lao động khu vực miền núi, vùng sâu vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thiếu và yếu.

Đối với vấn đề nhà ở: Việt Nam về cơ bản đã đảm bảo cho người dân có nhà ở. Số hộ gia đình không có nhà ở chỉ chiếm một tỷ lệ không đáng kể.

Tuy vậy, hiện cả nước vẫn còn khoảng 7,7 triệu người dù có nhà ở nhưng phải ở trong các căn nhà chật hẹp, bình quân dưới 8 m²/người; 1.244 hộ chưa có nhà ở (theo kết quả điều tra dân số và nhà ở năm 2019). Vấn đề nhà ở cho người dân là vấn đề bức xúc, đặc biệt là người di cư, người dân vùng chịu tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu; nhà ở cho công nhân các khu

công nghiệp, đô thị và người có thu nhập thấp chưa đảm bảo; trong khi Chương trình phát triển nhà ở xã hội mới đạt 41% so với mục tiêu đến năm 2020 do thiếu vốn thực hiện sau khi hoàn thành gói hỗ trợ 30 nghìn tỷ đồng, và thiếu quỹ đất triển khai do thiếu hoặc vướng mắc cơ chế.

Đối với vấn đề nước sạch: Việt Nam đã đầu tư và triển khai khá hiệu quả các chính sách và chương trình nước sạch cho người dân nông thôn. Tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đã ước đạt trên 85%.

Tuy vậy, một bộ phận người dân ở vùng miền núi cao, vùng thường xuyên bị hạn hán vẫn còn thiếu nước sinh hoạt ở một số thời điểm trong năm. Đặc biệt, tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt đạt quy chuẩn của Bộ Y tế vẫn còn rất thấp (chưa đến 60% dân số nông thôn).

Đối với vấn đề thông tin truyền thông: Đến nay, hệ thống thông tin truyền thông gồm cả phát thanh, truyền hình, mạng di động, bưu điện văn hóa xã về cơ bản đã bao phủ tới 100% các xã trên toàn quốc.

Tuy vậy, chất lượng thông tin và nội dung thông tin còn chưa đáp ứng nhu

cầu đa dạng của người dân, nhất là đối với người dân nông thôn ở vùng khó khăn, điều kiện kinh tế - xã hội còn chưa phát triển.

Đối với hệ thống các dịch vụ xã hội: Việt Nam đã triển khai nhiều cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách xã hội, ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân. Trong giai đoạn vừa qua, đã chú ý đầu tư phát triển hệ thống các dịch vụ xã hội như hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội, nhà dưỡng lão. Một số mô hình như ngôi nhà tạm lánh cho phụ nữ và trẻ em bị bạo lực gia đình, ngôi nhà bình yên cho phụ nữ và trẻ em bị mua bán trở về, mô hình chính hình phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa vào cộng đồng... đã được hình thành và phát triển ở một số địa phương.

Tuy vậy, phương thức quản lý về cơ bản vẫn còn lạc hậu. Nhiều chế độ, chính sách vẫn chưa thể thực hiện trực tuyến; vẫn thực hiện chi trả bằng tiền mặt là chủ yếu nên chưa thực sự hiệu quả, chưa bảo đảm công khai, minh bạch và sự giám sát của nhân dân; vẫn còn hiện tượng thất thoát,

lãng phí, trục lợi chính sách. Cơ sở dữ liệu chưa được hệ thống hóa, cập nhật, chia sẻ; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và thực hiện chính sách xã hội còn hạn chế. Công tác quản lý và cung cấp dịch vụ xã hội cũng như cơ sở vật chất của các cơ sở trợ giúp xã hội vẫn còn lạc hậu và đội ngũ cán bộ công tác xã hội còn yếu và thiếu, nhất là trong bối cảnh già hóa dân số nhanh, biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp khó lường; tệ nạn có xu hướng ngày càng gia tăng khó quản lý dẫn đến nhu cầu được quản lý, chăm sóc và trợ giúp (gồm cả trợ giúp hòa nhập xã hội) ngày càng tăng.

3. Định hướng đột phá đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045

Trong bối cảnh đất nước hội nhập kỷ nguyên toàn cầu hóa, với tất cả sự phức tạp của thời cơ và nguy cơ đan xen, chuyển hóa khôn lường, đặt ra thách thức lớn, hoặc là tụt hậu tức là bị bỏ rơi hoặc là đổi mới để vươn lên, khắc phục được “nguy cơ tụt hậu, rơi vào bẫy thu nhập trung bình”, bảo đảm phúc lợi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội theo tiêu chí phát triển triển toàn diện, bền vững

lấy con người làm trung tâm, cần có những đột phá trong thực hiện chính sách xã hội.

Thứ nhất, Nhà nước quản lý thống nhất việc thực hiện các chính sách xã hội theo hướng chia sẻ giữa Nhà nước - xã hội - người dân và bảo đảm nguyên tắc *an sinh - an dân và an cư* trong từng giai đoạn thực hiện. Các hợp phần của chính sách xã hội được tiếp tục hoàn thiện theo hướng đồng bộ có tính tương thích với thông lệ quốc tế, có thể *linh hoạt điều chỉnh những thay đổi căn bản trong từng giai đoạn phù hợp* với thực tiễn phát triển kinh tế cũng như có khả năng ứng phó các tác động của dịch chuyển kinh tế, chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, địch họa trên diện rộng.

Tiếp tục đổi mới một số chính sách mang tính chất “nòng cốt” trong chính sách xã hội như: Thực hiện sớm cải cách chính sách tiền lương, phát huy được đúng giá trị “tiền lương thể hiện bằng giá cả và giá trị sức lao động trên thị trường”, tăng cường cơ hội “tiếp cận bình đẳng” thị trường lao động cho nhóm đối tượng đặc thù, “chính thức hóa” việc làm cho nhóm lao động phi chính thức;

nâng cao chất lượng giáo dục, y tế thiết yếu. Đảm bảo mọi người dân đều được tiếp cận công bằng về các dịch vụ cơ bản như thông tin và nhà ở tối thiểu, đều được hòa nhập vào cuộc sống cộng đồng trên mọi phương diện về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

Thứ hai, tư duy thực hiện chính sách xã hội cần có sự đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ về thể chế, cơ chế quản lý, thực hiện thiết kế lại hệ thống cung cấp dịch vụ xã hội. Tích hợp các chính sách, các chế độ hiện đang thực hiện có tính manh mún, rời rạc hướng tới đáp ứng yêu cầu quản lý các dịch vụ xã hội trong bối cảnh kinh tế số. Tiếp tục có những thay đổi trong cơ chế cung cấp dịch vụ công hướng đến nguyên tắc chủ đạo: Nhà nước quản lý, điều hành và giám sát các bên cùng tham gia cung cấp dịch vụ công theo các tiêu chuẩn, tiêu chí giám sát đánh giá rõ ràng và minh bạch. Thực hiện đổi mới đồng bộ các dịch vụ theo hướng hiện đại, hội nhập; phát triển nguồn nhân lực thực hiện có tính chuyên nghiệp, liêm chính, có đủ kỹ năng đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại. Xây dựng

dịch vụ xã hội công theo hướng phân tầng từ cơ bản đến chất lượng cao phù hợp với nhu cầu của các nhóm xã hội có khả năng đồng chi trả và chi trả dịch vụ.

Thực hiện chuyển đổi số một cách sâu rộng, toàn diện trong xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách xã hội: thực hiện số hóa hệ thống quản lý, giám sát đánh giá các chương trình an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, quản lý và điều hành hệ thống cơ sở dữ liệu cá nhân và đối tượng thụ hưởng chính sách theo các thông tin định danh. Cần kiện toàn và/hoặc nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu và cập nhật thông tin thường xuyên, định kỳ trên nền tảng cơ sở quản lý dữ liệu đối tượng hiện có để có thể chia sẻ thông tin cho các mục tiêu cụ thể (đối chiếu, xác thực, mở tài khoản, v.v...). Việc chuẩn hóa thông tin đối tượng thụ hưởng cũng là cơ sở để thực hiện liên thông, chia sẻ (có phân cấp) thông tin về đối tượng thụ hưởng thuộc các chương trình khác nhau với các bên liên quan làm cơ sở thúc đẩy chính phủ điện tử, giao dịch trực tuyến.

Thứ ba, chính sách xã hội phải bảo đảm tính chủ động, tích cực và xã hội

hoá cao. Nhà nước bảo đảm đủ nguồn lực để thực hiện, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa huy động nguồn lực cho việc thực hiện chính sách xã hội. Nhà nước cần xây dựng chiến lược tài chính để thực hiện một hệ thống rộng hơn, phức tạp hơn về ASXH và phúc lợi xã hội. Nếu không cải thiện nguồn thu thì sẽ không thể đảm bảo đủ kinh phí chi cho đổi mới hệ thống đến năm 2030 do phần lớn khoản chi tăng lên sẽ được lấy từ ngân sách nhà nước và như vậy, nguồn ngân sách sẽ là nguồn chi chủ yếu phần lớn cho các khoản gia tăng chi đảm bảo xã hội cho các giai đoạn sau. Xây dựng lại cơ chế huy động mọi nguồn lực của xã hội, nâng cao trách nhiệm và năng lực tự an sinh của mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Việt Nam được đánh giá là nước đang trên chặng đường phát triển kinh tế nhanh và hội nhập so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Sự phát triển kinh tế nhanh chóng song hành với mức sống được cải thiện và tỷ lệ nghèo đói ngày một giảm, an sinh xã hội ngày càng tiến bộ. Chính sách xã hội của Việt Nam những năm vừa qua đặc biệt chú trọng phát triển các trụ

cột của an sinh xã hội và chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và đã đạt được những thành tựu đáng tự hào. Tuy nhiên, đứng trước các yêu cầu của đổi mới và hội nhập hướng

đến phát triển bền vững cần có những đổi mới đột phá toàn diện cả về cơ sở pháp lý, quản trị và cung cấp dịch vụ đầy đủ và thúc đẩy theo đúng tầm của vị thế kinh tế là vô cùng cần thiết ■

¹ Một nội dung khác của chính sách xã hội còn bao gồm các chính sách điều chỉnh hành vi của con người trong xã hội (cưới xin, đồng tính, li dị, hủ tục và tệ nạn xã hội...) không đề cập tại đây tại bài viết này.

² Chỉ số SDG đánh giá kết quả thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững dựa trên thang điểm từ 0 (kém nhất) đến 100 điểm (tốt nhất) và xếp hạng theo thứ tự từ cao xuống thấp.

³ UN (2011, 2020) từ vị trí 128/187 năm 2011 lên vị trí 117/186 năm 2019.

Tài liệu tham khảo:

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, 2021.
2. Nghị Quyết số 15-NQ/TW, ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.
3. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: *Thành tựu 10 năm và những bài học kinh nghiệm cho đảm bảo an sinh xã hội ở Việt Nam*, tháng 4/2019.
4. *Báo Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI, một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2022*.
5. Tạp chí Cộng sản: 2017, *chính sách dân tộc tại Việt nam: thành tựu và thách thức cần vượt qua*.
6. Liên hợp quốc: *Báo cáo phát triển thế giới*, 2020.